

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

ĐỊA LÍ 12 HỌC KỲ I CÓ ĐÁP ÁN

BÀI 1: VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

Nội dung câu hỏi và bài tập:

Câu 1. Nước ta tiến hành công cuộc đổi mới với điểm xuất phát thấp từ nền kinh tế chủ yếu là

- A. Công – nông nghiệp. B. Công nghiệp.
C. Nông – công nghiệp. D. Nông nghiệp.

Câu 2. Sự kiện được coi là mốc quan trọng trong quan hệ quốc tế của nước ta vào năm 2007 là

- A. Bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.
B. Gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
C. Là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới.
D. Tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

Câu 3 . Ý nào sai khi nói về nền kinh tế nước ta trước thời kì Đổi mới

- A.nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu
B.chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh
C.nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần
D.nền kinh tế rơi vào khủng hoảng kéo dài

Câu 4 Kết quả của quá trình hội nhập thể hiện rõ ở việc

- A. Dân chủ hoá đời sống kinh tế xã hội
B .Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO)
C.Tăng cường giao lưu hợp tác với các nước trên thế giới
D.Thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài

Câu 5. Yếu tố nào *không phải* là chủ trương của xu thế dân chủ hoá đời sống kinh tế-xã hội

- A . Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu,bao cấp.
B .Đề người dân được toàn quyền trong mọi sinh hoạt và sản xuất
C. Nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi nghĩa vụ.
D. Trao dần cho dân quyền tự chủ trong sản xuất và đời sống

Câu 6. Yếu tố giúp Việt Nam nhanh chóng hoà nhập vào khối ASEAN.

- A. Đường lối đổi mới của Việt Nam . B. Vị trí địa lý nằm ở ĐNÁ
C. Xu hướng chuyển từ đối đầu sang đối thoại của vùng
D. Đẩy mạnh các quan hệ đối ngoại.

Câu7. Việt Nam hiện nay là thành viên của các tổ chức

- A. EU,ASEAN,WTO B. ASEAN,OPEC,WTO
C. ASEAN,WTO,APEC D. OPEC,WTO, ASEAN

Câu 8. Lĩnh vực đổi mới đầu tiên được tiến hành là

- A. Công nghiệp
- B. Ngư nghiệp
- C. Dịch vụ
- D. Nông nghiệp

Câu 9 . Công cuộc đổi mới kinh tế nước ta bắt đầu từ năm

- A. 1976
- B. 1986
- C. 1996
- D. 2006

Câu 10. Đại hội đảng cộng sản lần thứ VI (1986) đã khẳng định xu thế phát triển kinh tế- xã hội nước ta là

- A. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.
- B. Phát triển nền kinh tế tư bản, tư nhân.
- C. đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu
- D. phát triển kinh tế trang trại

Câu 11. Những thành tựu to lớn về mặt xã hội đạt được sau khi tiến hành cuộc đổi mới ở nước ta là

- A. nền kinh tế tăng trưởng cao và khá ổn định.
- B. Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng CNH
- C. Xoá đói giảm nghèo bước đầu đạt được nhiều thành tựu
- D. Thu hút được nhiều nguồn vốn từ nước ngoài.

Câu 12. Công cuộc đổi mới của nước ta từ năm 1986 là

- A. Đổi mới ngành nông nghiệp
- B. Đổi mới ngành công nghiệp
- C. Đổi mới về chính trị
- D. Đổi mới toàn diện về kinh tế-xã hội

Câu 13. Thách thức của toàn cầu hóa đối với nước ta là:

- A. phải chạy đua về vốn, công nghệ
- B. nền kinh tế bị cạnh tranh quyết liệt
- C. Khủng hoảng kinh tế trầm trọng
- D. Cơ sở hạ tầng bị tàn phá nặng nề

Câu 14. Nguyên nhân chủ quan dẫn đến nền kinh tế nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng từ sau năm 1975 đến trước đổi mới:

- A. Điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, bị cấm vận.
- B. Cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp
- C. chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh
- D. Tất cả các ý trên

Câu 15. Sự đảm bảo sự phát triển bình đẳng xã hội, cần quan tâm giải quyết vấn đề nào trong số các vấn đề sau

- A. Tình trạng kết cấu hạ tầng còn yếu kém
- B. Nạn thất nghiệp và tệ nạn xã hội
- C. Sự phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp và các địa phương
- D. Tình trạng tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm

Câu 16: Xu hướng quốc tế hóa, khu vực hóa nền kinh tế thế giới là điều kiện để nước ta :

- A. Tận dụng các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.
- B. Khai thác và sử dụng tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- C. Nâng cao trình độ dân trí.
- D. Mở rộng buôn bán với nhiều nước trên thế giới.

Câu 17 . Sự kiện bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ diễn ra vào :

- A. Năm 1994
- B. Năm 1995
- C. Năm 1996
- D. Năm 1997

Câu 18. Xu thế toàn cầu hóa của nền kinh tế thế giới có tác dụng :

- A/ Tăng tiềm lực kinh tế của các nước
- B/Thúc đẩy sự buôn bán trên phạm vi toàn cầu
- C /Tạo thời cơ thuận lợi để Việt Nam hoà nhập vào nền kinh tế thế giới
- D / Tất cả đều đúng

Câu 19/ Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO từ :

- A/ Năm 2005 B/ Năm 2007 C/ Năm 2006 D/ Năm 2008

Câu 20 / Nguồn lực có ý nghĩa quyết định cho việc định hướng phát triển nền kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội của nước ta :

- A /chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài B/ đường lối kinh tế đổi mới.
- C/ lấy giáo dục là quốc sách D/ đẩy mạnh nghiên cứu khoa học

Câu 21/ Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ được thể hiện rõ rệt ở :

- A/ tỉ trọng của nông lâm ngư giảm
- B./ hội nhập kinh tế được đẩy mạnh.
- C/ một số mặt hàng xuất khẩu với qui mô lớn như gạo, cà phê...
- D/ phát triển các vùng chuyên canh qui mô lớn

=====

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

Câu 1. Phần đất liền nước ta nằm trong hệ tọa độ địa lí

- A. 23⁰23'B - 8⁰30'B và 102⁰09'Đ - 109⁰24'Đ.
- B. 23⁰20'B - 8⁰30'B và 102⁰09'Đ - 109⁰24'Đ.
- C. 23⁰23'B - 8⁰34'B và 102⁰09'Đ - 109⁰24'Đ.
- D. 23⁰23'B - 8⁰34'B và 102⁰09'Đ - 109⁰20'Đ.

Câu 2 . Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây

- A . Á và Ấn Độ Dương B. Á và TBD
- C. Á-Âu, TBD, ÁĐD D. Á-Âu và TBD

Câu 3 .Nước ta nằm ở vị trí

- A.Rìa đông của Bán đảo Đông dương B.Trên Bán Đảo Trung Ấn
- C.Trung tâm Châu Á D.nằm tiếp giáp với lục địa Á-Âu

Câu 4 .Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với

- A . Trung Quốc,Lào,Campuchia B.Lào,Campuchia
- C.Trung Quốc,Campuchia D.Lào,Campuchia

Câu 5. Điểm cực Nam của nước ta là xã Đất Mũi có vĩ độ :

- A. : 8⁰32 'B B. : 8⁰34'B C : 8 ⁰33'B D.: 8⁰35'B

Câu 6 .Điểm cực bắc của nước ta là xã Lũng Cú thuộc tỉnh:

- A .Hà giang B.Cao bằng C.Lạng Sơn D.Lào Cai

Câu7. Điểm cực Tây của nước ta là xã Sín Thầu thuộc tỉnh:

- A . Điện Biên B.Lai Châu C.Sơn La D.Lào Cai

Câu 8.Điểm cực Đông của nước ta là xã Vạn Thạnh thuộc tỉnh (Thành phố):

- A.Quảng Ninh B.Đà Nẵng C.Khánh Hoà D.Bình Thuận

Câu 9.Trong các tỉnh(Thành phố) sau,tỉnh(Thành phố) nào không giáp biển (át lát tr 4,5)

- A.Cần Thơ B.TP.HCM C.Đà Nẵng D.Ninh Bình

Câu 10. Số lượng Tỉnh (Thành phố) giáp biển của nước ta:

A.27 B.28 C. 29 D.30

Câu 11. Đường cơ sở trong lãnh hải của một nước là đường ở vị trí :

A . Nơi giới hạn thủy triều xuống thấp nhất

B Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ

C. Có độ sâu dưới 20 m D. Có chiều rộng 12 hải lí tính từ mép thủy triều trở ra

Câu 12. Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư,...là :

A. Lãnh hải

B. Tiếp giáp lãnh hải

C. Vùng đặc quyền về kinh tế

D. Thêm lục địa

Câu 13. Do nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm, gió mùa nên thiên nhiên nước ta có:

A . Khí hậu ôn hoà, dễ chịu

B. Sinh vật đa dạng

C. Khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn

D. Đất đai rộng lớn và phì nhiêu

Câu 14. Nằm ở bờ đông bán đảo Đông Dương, vị trí nước ta đóng vai trò là :

A. Đầu cầu xâm nhập vào vùng Vân Nam(Trung Quốc)

B.Cửa ngõ thông ra biển của nước Lào và Đông Bắc Thái Lan

C. Cả hai đều đúng

D. Cả hai đều sai

Câu 15. So với các nước cùng một vĩ độ, nước ta có nhiều lợi thế hơn hẳn về:

A. Trồng được các loại nho, cam, ô liu, chà là như Tây á

B. Phát triển cây cà phê, cao su

C. Trồng được lúa, ngô khoai

D. Đẩy mạnh sản xuất quanh năm các loài cây lương thực và cây CN nhiệt đới

Câu 16. Với vị trí nằm ở gần trung tâm Đông Nam Á, Việt Nam là nơi:

A. Gặp gỡ của các nền văn minh cổ: Ấn Độ, Trung Quốc

B. Các thể lực bành trướng luôn luôn dòm ngó

C. Hôi tu những tiến bộ KHKT thời đại

D. Tất cả đều đúng

Câu 17. Sự đa dạng về bản sắc dân tộc do nước ta là nơi:

A. Có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn Á, Âu với văn minh bản địa

B. Đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động

C. Giao nhau của các luồng sinh vật Bắc, Nam

D. Giao tiếp của hai vành đai sinh khoáng lớn

Câu 18. Hạn chế nào không phải do hình dạng dài và hẹp của lãnh thổ Việt Nam mang lại:

A. Khoáng sản nước ta đa dạng, nhưng trữ lượng không lớn

B. Giao thông Bắc- Nam trắc trở

C. Việc bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ khó khăn

D. Khí hậu phân hoá phức tạp

Câu 19. Vùng nước nội thủy của quốc gia là vùng nước:

- A. Nằm bên trong đường cơ sở
- B. Được tính đường cơ sở trở ra
- C. Các quốc gia khác có quyền hoạt động.
- D. Các nước khác được đặt cáp ngầm.

Câu 20. Theo công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 thì vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lí được tính từ:

- A. Ngấn nước thấp nhất của thủy triều trở ra
- B. Đường cơ sở trở ra
- C. Giới hạn ngoài của vùng lãnh hải trở ra
- D. Vùng có độ sâu 200 mét trở vào

Câu 21. Về mặt tự nhiên : Vị trí địa lí đóng vai trò

- A. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới
- B. Phát triển kinh tế biển với nhiều ngành (du lịch, giao thông, thủy sản...)
- C. Mở rộng quan hệ hợp tác với vùng Đông Nam Á và thế giới
- D. qui định thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 22 : Vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông rộng khoảng

- A. 1,0 triệu km²
- B. 2,0 triệu km²
- C. 3,0 triệu km²
- D. 4,0 triệu km²

Câu 23 : Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương , liền kề với 2 vành đai sinh khoáng nên Việt Nam có :

- A. Nhiều tài nguyên sinh vật quý giá
- B. Nhiều tài nguyên khoáng sản
- C. Nhiều vùng tự nhiên trên lãnh thổ
- D. Nhiều bão và lũ lụt hạn hán

Câu 24 : Nhờ chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển nên nước ta có :

- A . nền nhiệt độ cao nhiều ánh nắng
- B. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt
- B. thảm thực vật xanh tốt giàu sức sống
- D. Nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật

Câu 25 /Nước ta nằm phía Đông bán đảo Đông Dương nên :

- A / thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão.
- B / tiếp giáp với 1 vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng.
- C / thiên nhiên nước ta khác hẳn với các nước có cùng vĩ độ.
- D / nằm ở vị trí trung tâm của Đông Nam Á.

Câu 26 / Đường biên giới quốc gia trên biển là đường

- A / nối liền các đảo ven bờ và các mũi đất dọc bờ biển lúc triều cao nhất.
- B / song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở 22224 mét về phía biển.
- C / xác định chủ quyền với diện tích vùng biển rộng hơn 1 triệu Km².
- D /có ranh giới ngoài cùng chạy theo phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 27 /Ý nghĩa văn hóa – xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta là :

- A / tạo ĐK để VN thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, tận dụng các nguồn lực bên ngoài.
- B/ tạo ĐK để VN chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị cùng phát triển với các nước ĐNA.
- C/ tạo ĐK để giao lưu bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ. (VN : Việt Nam)
- D/ tạo ĐK để mở lối ra biển thuận lợi cho Lào, đông bắc Thái Lan.... (ĐK : điều kiện)

Câu 28 / Với hệ tọa độ địa lí : 8°34'B → 23°23'B và 102°9'D → 109°24'D, cho thấy nước ta :

- A / nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến
B / nằm hoàn toàn trong khu vực Châu Á gió mùa.
C / nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu.
D / nằm trong khu vực tranh chấp giữa các khối khí

Câu 29/ Điểm cực đông trên biển của nước ta đến kinh tuyến :

- A / $117^{\circ}20'Đ$ B/ $109^{\circ}24'Đ$. C/ $101^{\circ}30'Đ$ D/ $102^{\circ}9'Đ$

Câu 30 / Theo quan điểm địa kinh tế thì vị trí địa lí nước ta có đặc điểm là :

- A/ nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương
B/ nằm ở khu vực phát triển năng động của thế giới.
C/ nằm trong khu vực nội chí tuyến D/ nằm trong vùng có nhiều thiên tai

Câu 31. Quốc gia có đường biên giới trên đất liền dài nhất với Việt Nam là :

- a Trung Quốc b Lào c Thái Lan d Cam PuChia

Câu 32. Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới - ẩm - gió mùa của nước ta là do :

- a. Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.
b. Ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa .
c. Sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.
d. Ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình.

Câu 33. Vì sao việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nước ta gặp nhiều khó khăn?

- A. Có đường biên giới kéo dài trên đất liền và trên biển.
B. Đường bờ biển kéo dài và tiếp giáp nhiều quốc gia.
C. Vùng biển nước ta rộng lớn và đang có sự tranh chấp.
D. Phần lớn biên giới nước ta nằm ở khu vực núi cao.

Câu 34/ Đường bờ biển nước ta kéo dài từ Móng Cái đến Hà Tiên khoảng :

- a 3.200 km b 3.260 km c 2.360 km d 2.300 km

Câu 35/ Vùng biển mà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt kinh tế, nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm, tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hàng hải, hàng không theo công ước quốc tế Luật biển 1982 là vùng :

- A / Nội thủy B/ Lãnh hải
C/ Tiếp giáp lãnh hải D/ Đặc quyền kinh tế

Câu 36. Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên

- A. Có nhiều tài nguyên khoáng sản. B. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
C. Khí hậu có hai mùa rõ rệt. D. Thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 37 : Vùng đất là

- A. Phần đất liền giáp biển. B. Toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.
C. Phần được giới hạn bởi đường biên giới và đường bờ biển.
D. Các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.

Câu 38 / . Điểm nào sau đây không đúng với đặc điểm lãnh thổ nước ta:

- A. Đường biên giới trên đất liền dài 5600 km.
B. Diện tích vùng đất là 331.212km^2
C. Đường bờ biển dài 3260km. D. Có hơn 4000 đảo lớn nhỏ

Câu 39 / Đây là ý nghĩa tự nhiên của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta :

- A/ nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng
B / có mối quan hệ khăng khít với các nước láng giềng.
C / tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa trở thành đặc điểm cơ bản
D/ thuận lợi cho việc thực hiện chính sách mở cửa hội nhập.

Câu 40 / Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển là:

- A. Vùng lãnh hải. B. Đặc quyền kinh tế.
C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Thềm lục địa.

Câu 41:/ Đường biên giới của nước ta kéo dài 4600km tiếp giáp với các nước là

- A. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia
B. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Lào
C. Trung Quốc, Campuchia, Lào D. Lào, Thái Lan, Campuchia

Câu 42:/ Đường biên giới của nước ta tiếp giáp với nướccó chiều dài 14 00km

- A. Trung Quốc B. Lào
C. Campuchia D. Lào và Campuchia

Câu 43/ Nước Việt Nam nằm ở :

- A. bán đảo Trung Ấn, khu vực cận nhiệt đới.
B. rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
C. phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
D. rìa phía đông châu Á, khu vực ôn đới.

Câu 44/ Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm

- A. vùng đất, vùng biển, vùng trời B. vùng đất, vùng biển, vùng núi.
C. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa. D. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời.

Câu 45/ Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, không có tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Tuyên Quang. C. Cao Bằng. D. Hà Giang.

Câu 46 / Lãnh hải là :

- A. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
B. vùng biển rộng 200 hải lí. C. vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế.
D. vùng có độ sâu khoảng 200m.

Câu 47/ Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4, hãy cho biết vùng biển nước nào sau đây không giáp vùng biển Việt Nam ?

- A. Singapo. B. Bru này. C. Mianma. D. Trung Quốc.

Câu 48 : Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực chủ quyền của nước ven biển , rộng 12 hải lí là

- A. Vùng lãnh hải. B. Đặc quyền kinh tế. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Thềm lục địa.

Câu 49: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên:

- A. nền nhiệt cao, số giờ nắng nhiều. B. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
C. Khí hậu có hai mùa rõ rệt. D. Thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 50/ Vùng biển mà ranh giới bên ngoài của nó chính là đường biên giới quốc gia trên biển :

- A. Vùng lãnh hải. B. Đặc quyền kinh tế. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Thềm lục địa.

BÀI 6, 7. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

Nội dung câu hỏi và bài tập

Câu 1: Tỷ lệ diện tích địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta so với diện tích toàn bộ lãnh thổ chiếm khoảng :

- A. 1% C. 87%. C. 85%. D. 90%.

Câu 2 . Núi trung bình có độ cao bao nhiêu mét ?

- A. Từ 0- 200m B. Từ 500m- 1000m
C. Từ 1000m- 2000m D. Trên 2000m

Câu 3 . So với diện tích đất đai nước ta, địa hình đồi núi chiếmdiện tích

- A. 5/6 B. 4/5 C. 3/4 D. 2/3

Câu 4 . Khu vực ở giữa của vùng núi Tây Bắc có phạm vi :

- A . từ Khoan La San đến Sông Cả. B. chạy dọc biên giới Việt – Trung.
B . từ Phong Thổ đến Mộc Châu D. từ biên giới Việt -Trung đến khuy sông Đà

Câu 5 : Tây Bắc – Đông Nam là hướng chính của :

- A. Dãy núi vùng Tây Bắc B. Dãy núi vùng Đông Bắc
C. Vùng núi Nam Trường Sơn D. Câu A+C đúng

Câu 6 ; Hướng vòng cung là hướng chính của:

- A. Vùng núi Đông Bắc B. Các hệ thống sông lớn
C. Dãy Hoàng Liên Sơn D. Vùng núi Bắc Trường Sơn

Câu 7 : Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là :

- A. Có địa hình cao nhất cả nước
B. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam
C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích .
D. Gồm các dãy núi song song và so le chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam

Câu 8 : Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là :

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên .
B. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ nhất nước ta .
C. Có 4 cánh cung lớn .
D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 9 : Đỉnh núi cao nhất Việt Nam là :

- A. Tây Côn Lĩnh B. Phan xi păng C. Chư Yang Sin D. Ngọc Lĩnh

Câu 10 : Vùng núi có các thung lũng sông cùng hướng Tây Bắc – Đông Nam điển hình là

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 11 : Sự khác nhau rõ nét giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là :

- A. Địa hình cao hơn B/ Hướng núi vòng cung
C. Tính bất đối xứng giữa 2 sườn .
D. Vùng núi gồm các khối núi và đồng bằng duyên hải .

Câu 12: Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 13 : Thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi ở Đông Bắc là

- A. Sông Lô B. Sông Chảy C. Sông Cầu D. Sông Thái Bình.

Câu 14 : Vùng núi có các khối núi và các cao nguyên Ba dan là :

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam .

Câu 15 : Đặc điểm chung của vùng núi Bắc Trường Sơn là :

- A. Có các cánh cung lớn mở rộng ở phía Bắc và phía Đông .
B. Địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi hướng Tây Bắc – Đông Nam
C. Gồm các dãy núi song song so le theo hướng Tây Bắc – Đông Nam .
D. Gồm các khối núi và cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan

Câu 16 : Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. Đồi núi thấp, núi trung bình chiếm ưu thế .
B. Nghiêng theo hướng Tây Bắc – Đông Nam
C. Có nhiều sơn nguyên , cao nguyên đá ba zan.
D. Có nhiều khối núi cao đồ sộ, các cao nguyên ,sơn nguyên

Câu 17 : Do có nhiều bề mặt cao nguyên rộng , nên miền núi thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh .

- A. Lương thực B. Thực phẩm . C . Cây công nghiệp D. Cây hoa màu

Câu 18: Khó khăn thường xuyên đối với giao lưu kinh tế giữa các vùng miền núi là

- A. Động đất, mưa đá
 B. Khan hiếm nước
 C. Địa hình bị chia cắt mạnh sườn dốc .
 D. Thiên tai lũ quét , xói mòn

Câu 19 : Thích hợp đối với việc trồng các cây công nghiệp , cây ăn quả và cây hoa màu là địa hình của :

- A. Các cao nguyên badan và cao nguyên đá vôi .
 B. Bán bình nguyên đồi và trung du .
 C. Các vùng núi cao có khí hậu cận nhiệt và ôn đới .
 D. Câu A + B đúng

Câu 20 : Đồng bằng sông Hồng giống Đồng bằng sông Cửu Long ở điểm :

- A. Do phù sa sông bồi tụ nên .
 B. Có nhiều sông ngòi kênh rạch chằng chịt .
 C. Diện tích 40.000km²
 D. Có hệ thống đê sông và đê biển .

Câu 21 : Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là ở đồng bằng này có :

- A. Diện tích rộng hơn ĐBSCL
 B. Hệ thống đê điều chia đồng bằng ra thành nhiều ô.
 C. Hệ thống kênh rạch chằng chịt .
 D. Thủy triều xâm nhập sâu gần như toàn bộ đồng bằng về mùa cạn .

Câu 22 : Ở ĐBSCL , về mùa cạn , nước triều lấn mạnh làm gần 2/3 diện tích đồng bằng bị nhiễm mặn , là do .

- A. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt .
 B. Địa hình thấp phẳng .
 C. Có nhiều vùng trũng rộng lớn
 D. Biển bao bọc 3 mặt đồng bằng .

Câu 23 : Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển miền Trung

- A. ven biển thường là các cồn cát, đầm, phá
 B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ .
 C. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở cửa sông .
 D. Được hình thành do các sông bồi đắp.

Câu 24 : Địa hình cao ở rìa phía tây, tây bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của :

- A. Đồng bằng Sông Cửu Long
 B. Đồng bằng ven biển miền trung
 C. Đồng bằng sông Hồng
 D. Câu B+ C đúng

Câu 25 : Thiên tai bất thường , khó phòng tránh , thường xuyên hàng năm đe dọa gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển nước ta là :

- A. Bão lớn kèm sóng lừng
 B. Sạt lở bờ biển
 C. Cát bay , cát chảy
 D. Động đất

Câu 26 : Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng

- A. Là cơ sở để phát triển nông nghiệp nhiệt đới đa dạng hóa cơ cấu cây trồng .
 B. Cung cấp các nguồn lợi khác như khoáng sản , lâm sản , thủy sản .
 C. Địa bàn thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp dài ngày .
 D. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp , thành phố .

Câu 27 : Đồng bằng sông cửu Long có đặc điểm là :

- A. Tổng diện tích khoảng 15000km²
 B. Bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông
 C. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt
 D. Có các ruộng bậc cao bậc màu .

Câu 28 : Điểm khác của đồng bằng sông Hồng so với ĐBSCL là :

- A. Được hình thành trên vùng sụt lún của hạ lưu sông
 B. Thấp, bằng phẳng
 C. Có đê sông
 D. Có các vùng trũng

Câu 29 : Ở ĐBSH vùng đất ngoài đê là nơi :

- A. Không được bồi phù sa hàng năm
 B. Thường xuyên được bồi đắp phù sa
 C. Có nhiều ô trũng ngập nước
 D. Có bậc ruộng cao bạc màu .

Câu 30 : Đồng bằng ven biển mở rộng ở cửa sông lớn là :

- A. Thừa Thiên - Huế
 B. Bình Định
 C. Thanh Hóa
 D. Hà Tĩnh

Câu 31: Đất đai ở ĐB ven biển miền Trung có đặc tính nghèo dinh dưỡng, nhiều cát ít phù sa sông là do :

- A. Trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu .
 B. Bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều .
 C. Đồng bằng nằm ở chân núi nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống
 D. Các sông miền Trung ngắn hẹp và rất nghèo phù sa.

Câu 32 / Đặc điểm không đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung ?

- A. hẹp ngang.
 B. bị chia cắt
 C. được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa sông.
 D. ven biển thường là các cồn cát, đầm, phá

Câu 33 / Đất mặn, đất phèn chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên của:

- A. đồng bằng sông Hồng.
 B. đồng bằng sông Cửu Long.
 C. các đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.
 D. các đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 34: Miền núi nước ta có thuận lợi nào sau đây để phát triển du lịch ?

- A. Giao thông thuận lợi.
 B. Khí hậu ổn định, ít thiên tai.
 C. Có nguồn nhân lực dồi dào.
 D. Cảnh quan thiên nhiên đa dạng, phong phú.

Câu 35 . Trong vùng núi Đông bắc những đỉnh núi cao > 2000m thường tập trung ở

- A. biên giới Việt – Trung thuộc Cao Bằng, Lạng Sơn.
 B. trong cánh cung : Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.
 C. thượng nguồn Sông Chảy.
 D. ven biển Hạ Long

Câu 36 / . Khu vực phía tây của vùng núi Tây Bắc có phạm vi :

- A. từ Khoan La San đến Sông Cả.
 B. dọc biên giới Việt - Trung
 B. từ Phong Thổ đến Mộc Châu
 D. từ biên giới Việt - Trung đến khuỷ sông Đà

Câu 37 ./ Vùng có địa hình chủ yếu là bán bình nguyên của nước ta :

- A. Tây nguyên .
 B. Tây bắc
 C. Đông bắc.
 D. Đông nam bộ

Câu 38 / Ngăn cách giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là :

- A. dãy Tam Điệp.
 B. dãy Hoành sơn
 C. dãy Tây Thừa thiên.
 D. dãy Bạch Mã

Câu 40 / Đồi núi nước ta có tính phân bậc vì :

- A. trong giai đoạn tân kiến tạo nhiều lần biến tiến, biến thoái.
 B. trong giai đoạn cổ kiến tạo có nhiều vận động tạo núi khác nhau.
 C. trong giai đoạn tân kiến tạo vận động nâng lên hạ xuống diễn ra theo từng đợt
 D. do các quá trình phong hóa mạnh yếu theo từng thời kì

Câu 41// Chịu tác động mạnh của thủy triều là đặc điểm của đồng bằng :

- A / Sông Cửu Long
 B/ Sông Hồng.
 C/ Bắc Trung Bộ
 D/ Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Câu 42 / . Hệ thống núi ở Bắc Trường sơn có đặc điểm:

- A. Gồm các dãy núi song song, so le, thấp, hẹp ngang, nâng cao ở 2 đầu.
 B. Gồm các dãy núi cao và trung bình nằm kẹp các sơn nguyên đá vôi hùng vĩ.
 C. Các khối núi nghiêng dần về phía đông, nhiều dãy núi
 D. Chạy dài từ biên giới Việt-Trung đến dãy Bạch Mã

Câu 43. Điểm giống nhau giữa đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long là

- A . có hệ thống đê sông ngăn lũ. B.có địa hình thấp và bằng phẳng.
C hình thành trên vùng sụt lún của hạ lưu sông.
D. có hệ thống kênh rạch chằng chịt

Câu 44 / Các nhánh núi đâm ra sát biển, có nhiều đoạn bờ biển khúc khuỷu, nhiều mũi đất và đèo là đặc điểm của :

- A/ khu vực núi Đông bắc B/ khu vực núi Tây bắc
C/ khu vực núi Trường sơn bắc D/ Duyên hải miền Trung

.Câu 45/ Khu vực phía đông của vùng núi Tây Bắc có phạm vi :

- A . từ Khoan La San đến Sông Cả. B. dọc biên giới Việt - Trung
B . từ Phong Thổ đến Mộc Châu
D. từ biên giới Việt -Trung đến khuy sông Đà.

Câu 46/ Các cánh cung núi ở khu vực núi Đông Bắc có đặc điểm :

- A/ Mở rộng ở phía bắc và phía đông B/ Mở rộng ở phía bắc và phía tây
C/ Mở rộng ở phía đông và phía nam D/ Tất cả sai

Câu 47: Sự khác nhau cơ bản giữa đất phù sa đồng bằng sông Hồng và đất phù sa đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Được bồi đắp hàng năm và không được bồi đắp hàng năm.
B. Diện tích C. Sự màu mỡ. D. Độ nhiễm phèn, độ nhiễm mặn.

Câu 48. Khu vực núi nào có đặc điểm địa hình : phía đông là dãy núi cao, độ sộ; phía tây là địa hình núi trung bình; ở giữa thấp hơn là các dãy núi xen các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi?

- A. Tây Bắc. B. Đông bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam

Câu 49: Đồng Bằng Sông Hồng được bồi tụ do phù sa của hệ thống sông:

- A. Sông Tiền – Sông Hậu B. Sông Hồng và Sông Đà
C. Sông Hồng – Sông Thái Bình D. Sông Đà và Sông Lô

Câu 50 / Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa tác động mạnh đến địa hình nước ta làm cho

- A. Địa hình xâm thực - bồi tụ là kiểu địa hình đặc trưng.
B. Địa hình có nhiều đồi núi .
C. Sông ngòi dày đặc D. Tất cả đều đúng.

.Câu 51 / Khu vực với đặc điểm địa hình gồm các dãy núi, các cao nguyên, sơn nguyên đá vôi của vùng núi Tây Bắc có phạm vi :

- A . từ Khoan La San đến Sông Cả. B. chạy dọc biên giới Việt - Lào
C . từ Phong Thổ đến Mộc Châu.
D. từ biên giới Việt -Trung đến khuy sông Đà.

Câu 52. / Đặc điểm nào sau đây chứng tỏ Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi?

- A. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
B. Địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.
C. Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
D. Địa hình núi cao chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

Câu 53/ Địa hình cao ở phía tây và tây bắc thấp dần ra biển là đặc điểm của :

- A. Đồng bằng Sông Hồng B. Đồng bằng Sông Cửu Long.
C. Duyên hải miền Trung. D Vùng đồi trung du Bắc bộ

Câu 54/ Khối núi Thượng nguồn sông Chảy có các đỉnh trên 2000m nằm ở vùng núi

- A. Trường Sơn Bắc B. Trường Sơn Nam.
C. Tây Bắc D. Đông Bắc

Câu 55/ Đồng bằng Bắc Bộ và Đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm nào dưới đây :

- A. hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- B. đường bờ biển bị khúc khuỷu với thềm lục địa bị thu hẹp.
- C. mở rộng với các bãi triều thấp, phẳng
- D. có các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ nhau.

BÀI 8: THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

Câu 1: Phần biển Đông thuộc chủ quyền của Việt Nam rộng khoảng

- A. 2 triệu km².
- B. 1 triệu km².
- C. 1,5 triệu km².
- D. 3,477 triệu km².

Câu 2: Huyện đảo Phú Quý thuộc tỉnh

- A. Quảng Ninh.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Ninh Thuận.
- D. Bình Thuận.

Câu 3: Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở Biển Đông nước ta là :

- A. vàng.
- B. titan.
- C. dầu mỏ.
- D. muối .

Câu 4 : Điểm nào sau đây không đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đối với khí hậu nước ta .

- A. Biển Đông làm tăng độ ẩm tương đối của không khí .
- B. Biển Đông mang lại một lượng mưa lớn .
- C. Biển Đông làm giảm độ lục địa của các vùng phía tây đất nước .
- D. Biển Đông làm tăng độ lạnh của gió mùa đông bắc .

Câu 5: Ở vùng ven biển, dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho xây dựng cảng biển

- A. Vịnh cửa sông
- B. Các bờ biển mài mòn .
- C. Các vũng vịnh nước sâu
- D. Tất cả đều đúng

Câu 6 : Ở vùng ven biển dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản .

- A. Các tam giác châu với bãi triều rộng lớn
- B. Vịnh cửa sông
- C. Các đảo ven bờ
- D. Các rạn san hô

Câu 7 : Điểm nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn .

- A. Cho năng suất sinh vật cao
- B. Có nhiều loài cây gỗ quý
- C. Giàu tài nguyên động vật
- D. Phân bố ở ven biển

Câu 8 : Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở :

- A. Bắc bộ
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Nam Trung Bộ
- D. Nam Bộ

Câu 9 : Hiện nay , rừng ngập mặn bị thu hẹp , chủ yếu là do

- A. Phá để nuôi tôm , cá
- B. Khai thác gỗ củi
- C. Chiến tranh
- D. Tất cả đều đúng

Câu 10 ; Dọc ven biển nơi có nhiệt độ cao nhiều nắng , chỉ có sông nhỏ đổ ra biển thuận lợi cho nghề :

- A. Khai thác thủy hải sản
- B. Nuôi trồng thủy sản
- C. Làm muối
- D. Chế biến thủy sản

Câu 11: Tài nguyên quý giá ven các đảo, nhất là 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là :

- A. Trên 2000 loài cá
- B. Hơn 100 loài tôm
- C. Các rạn san hô cùng đông đảo các loài sinh vật
- D. Nhiều loài sinh vật phù du

Câu 12 : Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, nên có đặc tính là :

- A. Độ mặn không lớn
- B. Nóng ẩm
- C. Có nhiều dòng hải lưu
- D. Biển tương đối lớn

Câu 13 : Lượng ẩm cao do biển Đông mang lại đã ảnh hưởng như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên nước ta .

- A. Xúc tiến mạnh mẽ hơn cường độ vòng tuần hoàn sinh vật .

- B. Làm cho quá trình tái sinh , phục hồi rừng diễn ra nhanh chóng .
- C. Làm cho cảnh quan thiên nhiên rừng chiếm ưu thế .
- D. Thảm thực vật xanh tươi quanh năm(trừ những nơi có khí hậu khô hạn)

Câu 14 : Nhận định chưa chính xác về đặc điểm của biển Đông là :

- A. Có tính chất nhiệt đới gió mùa .
- C. Giàu tài nguyên khoáng sản và hải sản
- B. Vùng biển rộng tương đối kín
- D. Nhiệt độ nước biển thấp

Câu 15 : Nơi có hiện tượng cát bay, cát chảy ở nước ta .

- A. Bắc Trung Bộ
- B. Đông Nam Bộ
- C. Duyên hải miền Trung
- D. Tất cả các ý trên .

Câu 16 : Các thiên tai thường gặp ở biển Đông là :

- A. Bão lớn kèm sóng lừng
- B. Sạt lở bờ biển
- C. Hiện tượng cát bay , cát chảy lấn chiếm đồng ruộng
- D. Tất cả ý trên

Câu 17 : Vai trò quan trọng của Biển Đông đối với khí hậu Việt Nam là

- A. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông.
- B. Làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hè
- C. Làm cho khí hậu nước ta mang tính hải dương
- D. Tất cả các ý trên

Câu 18. Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ :

- A/. Nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
- B/. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
- C/. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.
- D/. Tiếp giáp với Biển Đông (trên 3260 km bờ biển).

Câu 19/ Biển Đông là biển tương đối kín vì :

- A/ bốn phía đều là đảo bao bọc
- B/ phía Đông và phía Đông Nam có các vòng cung đảo
- C/ chịu tác động của khí hậu nhiệt đới, nên nóng quanh năm
- D/ có các dòng biển nóng hoạt động theo mùa

Câu 20/ Rừng ngập mặn ven biển nước ta phát triển mạnh nhất ở :

- A. Đồng bằng Sông Hồng
- B. Đồng bằng Sông Cửu Long.
- C. Duyên hải miền Trung.
- D. Vùng đồi trung du Bắc bộ

BÀI 9: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

. Nội dung câu hỏi và bài tập

Câu 1: Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện ở:

- A. lượng mưa Tb từ 1000 – 1500 mm/năm, độ ẩm trên 80%.
- B. lượng mưa Tb từ 1800 – 2000 mm/năm, độ ẩm từ 60 – 80%.
- C. lượng mưa Tb từ 1500 – 2000 mm/năm, độ ẩm trên 80%.
- D. lượng mưa Tb từ 2000 – 2500 mm/năm, độ ẩm từ 60 – 80%.

Câu 2: Gió phơn Tây Nam chủ yếu hoạt động ở khu vực

- A. Tây Nguyên., Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Bắc Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 3: Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là do

- A. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
- B. Nằm ở bán cầu Đông.
- C. Nằm ở bán cầu Bắc.
- D. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 4: Quá trình xâm thực xảy ra mạnh mẽ ở những nơi có

- A. Địa hình thấp, lượng mưa lớn.
- B. Địa hình cao, sườn dốc, lượng mưa lớn.

- C. Địa hình cao, lượng mưa nhỏ.
- D. Địa hình thấp, lượng mưa nhỏ.

Câu 5: Trên lãnh thổ Việt Nam, số con sông có chiều dài $\geq 10\text{km}$ /sông là

- A. 3620 B. 3260. C. 2360. D. 2630.

Câu 6: Quá trình hình thành đất chủ yếu ở Việt Nam là

- A. Quá trình rửa trôi các chất ba đơn dễ tan Ca^{2+} , K^{2+} , Mg^{2+} .
- B. Quá trình hình thành đá ong.
- C. Quá trình feralit trên địa hình đồi núi.
- D. Quá trình tích tụ mùn trên núi.

Câu 7: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. Hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.
- B. Hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
- C. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.
- D. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

Câu 8 : Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện ở vùng núi đá vôi là :

- A. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ mạnh
- B. Đất bị bạc màu, rửa trôi.
- C. Có nhiều hang động, suối cạn thung khô
- D. Thường xảy ra hiện tượng đất trượt đá lở

Câu 9 : Nguyên nhân làm cho khí hậu nước ta có đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa là :

- A. Nước ta ở trong vùng nội chí tuyến , nằm gần trung tâm gió mùa châu Á, tiếp giáp với biển Đông rộng lớn .
- B. Trong năm mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời và vị trí nước ta nằm gần trung tâm gió mùa châu Á
- C. Trong năm được hai lần mặt trời lên thiên đỉnh và vị trí nước ta tiếp giáp với biển Đông rộng lớn
- D. Vị trí nước ta nằm gần trung tâm gió mùa châu Á và tiếp giáp với biển Đông rộng lớn

Câu 10 : Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí địa lí :

- A. Trong vùng nội chí tuyến B. Gần trung tâm gió mùa châu Á
- C. Tiếp giáp với biển Đông D. Cả 3 đều đúng

Câu 11: Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là :

- A. Hằng năm nước ta nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn
- B. Trong năm , Mặt trời luôn đứng cao hơn đường chân trời
- C. Tổng bức xạ lớn , cân bằng bức xạ dương quanh năm
- D. Trong năm mặt trời qua thiên đỉnh 2 lần

Câu 12 : Biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là

- A. Nền nhiệt độ cao B. Lượng mưa và độ ẩm lớn
- C. Khí hậu có sự phân mùa D. Tất cả đều đúng

Câu 13 : Từ Bắc vào Nam , nhiệt độ có sự thay đổi tăng dần phù hợp với lượng bức xạ mặt trời lớn hơn, nguyên nhân do :

- A. Càng vào nam , càng gần xích đạo , góc chiếu mặt trời lớn hơn .
- B. Càng gần xích đạo , khoảng cách giữa 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh dài hơn
- C. Càng vào nam tác động của gió mùa đông bắc yếu hơn.
- D. Câu A+ B đúng

Câu 14 : Thời gian gió mùa Đông bắc thổi vào nước ta từ tháng đến tháng:

- A. 10- 4 B. 11- 4 C. 12- 4 D. 1- 4

Câu 15 : Gió thổi vào nước ta ở mùa đông từ vĩ tuyến 16° B trở vào là :

- A. Gió mùa Đông Bắc B. Gió mậu dịch nửa cầu Bắc
- C. Gió Tây Nam D. Câu A+ B đúng

Câu 16 : Nguyên nhân gây mưa phùn cho vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ vào mùa đông là :

- A. Gió Mậu dịch nửa cầu Nam B. Gió Mậu dịch nửa cầu Bắc
C. Gió Đông Bắc D. Gió tây nam từ vịnh Bengan

Câu 17: Gió mùa Tây Nam xuất phát từ vịnh Tây Bengan xâm nhập trực tiếp vào nước ta , gây mưa lớn cho :

- A. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên
B. Đồng bằng ven biển miền Trung
C. Đồng bằng Bắc Bộ D. Sườn tây dãy Trường Sơn.

Câu 18 : Từ vĩ tuyến 16° B trở vào , về mùa đông gió thịnh hành là :

- A. Gió tín phong bán cầu bắc thổi theo hướng đông bắc
B. Gió Tây nam thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu nam.
C. Gió mùa đông bắc thổi từ cao áp cận cực.
D. Gió Tây Nam thổi từ cao áp Ấn Độ Dương

Câu 19 : Gió mùa Tây nam xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu Nam xâm nhập vào nước ta vào :

- A. đầu mùa hạ B. giữa và cuối mùa hạ
C. đầu và cuối mùa hạ D. cả mùa hạ

Câu 20 : Mưa vào thu đông là đặc điểm của sự phân mùa khí hậu của :

- A. Miền Nam B. Miền Trung C. Miền Bắc D. Cả 2 miền Nam, Bắc.

Câu 21 : Điểm nào sau đây , không đúng với gió mùa đông bắc ở nước ta :

- A. Thổi từng đợt không kéo dài liên tục
B. Gây ra hiệu ứng phơn khi vượt qua dãy Trường Sơn.
C. Chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc
D. Bị biến tính và suy yếu dần khi di chuyển về phía nam

Câu 22 : Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài ở các vùng đón gió Nam Bộ và Tây Nguyên là do hoạt động của :

- A. Gió mùa tây nam xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu Nam .
B. Gió mùa Tây nam xuất phát từ vịnh Bengan
C. Gió tín phong xuất phát từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu bắc .
D. Gió đông bắc xuất phát từ cao áp xibia

Câu 23 : Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta là do loại gió nào sau đây gây ra :

- A. Gió mùa Tây Nam B. Gió phơn Tây Nam
C. Gió Mậu dịch Bắc bán cầu D. Gió Mậu dịch Nam bán cầu .

Câu 24: Nguyên nhân gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ vào thời kì mùa đông ở nước ta là do

- A. gió mùa Đông bắc B. gió tín phong Bắc bán cầu.
C. gió mùa Tây nam. D. cả A và B đều đúng.

Câu 25: Gió mùa Đông bắc có nguồn gốc xuất phát từ :

- A. lục địa Trung Quốc. B. cao áp Xibia.
C. từ đông bắc lục địa châu Á. D. từ đông bắc Trung Quốc.

Câu 26: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta không biểu hiện ở :

- A. quá trình hình thành đất feralit diễn ra mạnh mẽ
B. quá trình xâm thực - bồi tụ diễn ra với cường độ lớn.
C. hệ thống sông ngòi nhiều ghềnh thác.
D. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 27: Trong chế độ khí hậu ở miền Bắc sự phân chia mùa là :

- A. mùa mưa và mùa khô rõ rệt. B. mùa đông lạnh, mùa hạ nóng ẩm
C. mùa gió lạnh và mùa nắng nóng. D. mùa mưa nhiều và mùa mưa ít

Câu 28 : Một trong những khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống là :

- A. khó phát triển lâm nghiệp
- B. địa hình bị cắt xẻ mạnh.
- C. bảo quản máy móc, thiết bị, nông sản
- D. việc nâng cao năng suất cây trồng .

Câu 29 : Do tác động của nền nhiệt độ cao , lượng mưa lớn với 2 mùa khô, ẩm , nên

- A. Ở miền núi diễn ra quá trình xâm thực mạnh mẽ .
- B. Ở ven biển , có nhiều vũng vịnh đầm phá .
- C. Ở đồng bằng châu thổ có sự mở mang nhanh chóng vùng hạ lưu.
- D. Câu A + C đúng .

Câu 30 :Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta hiện tại là

- A. Xâm thực
- B. Bồi tụ
- C. Xâm thực – Bồi tụ
- D. Bồi tụ - Xâm thực

Câu 31:Tác động của địa hình xâm thực, bồi tụ mạnh đến việc sử dụng đất ở nước ta làm :

- A. Bào mòn , rửa trôi đất , làm trơ sỏi đá .
- B. Tạo thành địa hình cacxtơ với các hang động ngầm .
- C. Bề mặt địa hình bị cắt xẻ, hẻm vực , khe sâu.
- D. Tích tụ đất đá thành nón phóng vật ở chân núi .

Câu 32 : Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại được biểu hiện ở :

- A. Hiện tượng xâm thực
- B. Hiện tượng bào mòn rửa trôi đất
- C. Thành tạo địa hình cacxtơ
- D. Đất trượt, đá lở ở sườn dốc .

Câu 33: Điểm nào sau đây không đúng với mạng lưới sông ngòi nước ta ?

- A. Nhiều sông , mạng lưới dày đặc.
- B. Phần lớn là sông nhỏ, ngắn
- C. tổng lượng phù sa khoảng 839 tỉ m³/ năm
- D. Mật độ sông lớn

Câu 34 : Chế độ nước sông ngòi nước ta thất thường là do :

- A. chế độ mưa .
- B. Mưa nhiều trên địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn .
- C. Trong năm có 2 mùa khô và mưa .
- D. Đồi núi bị cắt xẻ , độ dốc lớn và mưa nhiều .

Câu 35 : Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở bề mặt địa hình miền núi là :

- A. Dòng chảy mạnh
- B. sự mở mang nhanh chóng của đồng bằng hạ lưu sông
- C. hiện tượng xâm thực mạnh ở vùng núi
- D. Tạo thành nhiều phụ lưu sông

Câu 36 : Feralit là loại đất chính ở Việt Nam , vì nước ta :

- A. Có diện tích đồi núi lớn ($\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi)
- B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm
- C. Chủ yếu là đồi núi thấp .
- D. Trong năm có 2 mùa mưa, khô

Câu 36b : Nguyên nhân làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là :

- A. Khí hậu nhiệt ẩm cao , mưa theo mùa , địa hình nhiều đồi núi .
- B. Khí hậu nhiệt ẩm cao , mưa theo mùa , địa hình nhiều đồi núi thấp
- C. Mưa theo mùa , xói mòn nhiều , địa hình nhiều đồi núi .
- D. Địa hình nhiều đồi núi , mưa lớn và tập trung vào một mùa.

Câu 37 : Quá trình Feralit diễn ra mạnh mẽ ở vùng :

- A. Ven biển
- B. Đồng bằng
- C. Đồi núi thấp
- D. Bán bình nguyên

Câu 38 : Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là :

- A. Rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh .
- B. Rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá .
- C. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh .
- D. Rừng thưa nhiệt đới khô.

Câu 39 : Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến :

- A / hoạt động sản xuất NN B / các thời tiết bất thường
C/ cơ cấu cây trồng vật nuôi D / môi trường thiên nhiên

Câu 40 : Nền nhiệt ẩm cao tác động đến sản xuất nông nghiệp ở khía cạnh .

- A. Đa dạng hóa cây trồng vật nuôi B. Tính mùa vụ của sản xuất
C. nâng cao năng suất cây trồng D. Tiến hành quanh năm

Câu 41. Thời kì nào không phải là mùa khô ở Tây Nguyên

- A. Tháng 5 đến tháng 10 B. Tháng 4 đến tháng 11
C. Tháng 10 đến tháng 12 D. Tháng 11 đến tháng 4

Câu 42/ việc hình thành "Gió mùa Đông Nam" ở miền Bắc nước ta vào mùa hạ nguyên nhân do :

- A/ gió mùa Tây Nam B/ gió mùa Đông Bắc vượt biển
C/ áp thấp Bắc Bộ D/ áp cao Xibia

Câu 43/ Hoạt động của gió mùa Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân gây mưa cho :

- A/ cả hai miền Nam, Bắc và Tây Nguyên
B/ cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng 9 cho Trung bộ
C/ Nam Bộ và Tây Nguyên D/ Bắc Bộ và Trung Bộ

Câu 44 / Đất Fe ra lit thường có màu đỏ vàng là do :

- A/ bị rửa trôi các ba dơ dễ tan (Ca^{2+} , K^{2+} , Mg^{2+})
B/ đá mẹ có màu vàng đậm
C/ tích tụ các ô xít sắt và ô xít nhôm.
D/ đá mẹ có màu đỏ, vàng.

Câu 45/ Các khoáng sản có nguồn gốc ngoại sinh : :

- A/ đồng, chì B/ sắt, vàng C/ pyrit, crôm D/ bô xít, apatit

Câu 46/ . Bão, lũ, hạn, rét, gió fơn gay gắt là những tai biến khắc nghiệt của thời tiết, khí hậu ở vùng nào nước ta:

- A. ĐB Sông Cửu Long C. Duyên hải miền Trung
B. Tây Bắc D. Đông Bắc

Câu 47/ .Loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở Việt Nam?

- A. Đất feralit trên các loại đá mẹ khác nhau
B. Đất phù sa cổ C. Đất phù sa mới D. Đất mùn trên núi

Câu 48/. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam giảm theo hướng nào?

- A. Theo chiều vĩ tuyến B. Theo chiều cao
C. Theo chiều kinh tuyến D. Câu A và B đúng

Câu 49/ Đất Bazan ở nước ta có đặc điểm :

- A chua, nghèo, dễ bị rửa trôi B.tầng phong hóa mỏng, dễ thoát nước
C .. tầng phong hóa sâu, giàu chất dinh dưỡng. D. nặng, bị gây hóa

Câu 50 / Nguồn gốc của gió tây khô nóng trong đầu mùa hạ ở nước ta là :

- A. gió tín phong Bắc bán cầu. B. Gió mùa Tây Nam vượt biển
C. gió tín phong Nam bán cầu. D. gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn

Câu 51. Đây là đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu :

- A . sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao
B . lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông
C . phần lớn các sông chảy theo hướng tây bắc – đông nam
D . phần lớn các sông đều ngắn, dốc, dễ bị lũ lụt

Câu 52 . Đặc điểm địa hình đồi núi thấp đã làm cho :

- A . địa hình nước ta ít hiểm trở. B . địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng.
C . tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.
D . Thiên nhiên có sự phân hóa sâu sắc.

Câu 53 / Từ vĩ tuyến 16°B trở vào nam, gió Đông Bắc khu vực này thực chất là gió :

- A. gió mùa mùa hạ. B. gió mùa mùa đông.
C. tín phong Nam bán cầu. D. tín phong Bắc bán cầu

Câu 54/ Vào đầu mùa hạ, ở nước ta vùng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa tây nam nhưng lại không có mưa là :

- A . Nam Bộ. B. Tây Bắc.
C . Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ..

Câu 55 /Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là hệ sinh thái :

- A/ đới rừng nhiệt đới gió mùa B/ đới rừng rụng lá theo mùa
C/ đới rừng nhiệt đới ẩm gió mùa D/ đới rừng cận xích đạo gió mùa

Câu 56/ . Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc, nên

- A. khí hậu có bốn mùa rõ rệt. B. có nền nhiệt độ cao.
C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 57 / Nhân tố có tính chất quyết định đến đặc điểm nhiệt đới của nền nông nghiệp nước ta là :

- A. địa hình đa dạng. B. đất feralit.
C. khí hậu nhiệt đới ẩm. D. nguồn nước phong phú.

Câu 58 ./ Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí :

- A. cận chí tuyến bán cầu Bắc. B. Bắc Ấn Độ Dương.
C. cận chí tuyến bán cầu Nam. D. lạnh phương Bắc.

Câu 59 ./ Nguyên nhân gây mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì mùa đông là do hoạt động của :

- A. gió mùa Tây Nam. B. gió mùa mùa đông (gió Đông Bắc).
C. tín phong Nam bán cầu. D. tín phong Bắc bán cầu

Câu 60 ./ Nguyên nhân gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ vào thời kì mùa đông là do hoạt động của :

- A. gió mùa Tây Nam. B. gió mùa mùa đông (gió Đông Bắc).
C. tín phong Nam bán cầu. D. tín phong Bắc bán cầu

Câu 61/ Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là :

- A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
B. rừng gió mùa thường xanh.
C. rừng gió mùa nửa rụng lá. D. rừng thưa, xa van, cây bụi

Câu 62 / Quá trình feralit là hệ quả của :

- A. nhiệt độ cao. B. mưa ít, tập trung vào một mùa
C. độ bốc hơi lớn, độ ẩm thấp. D. nhiệt ẩm cao, mưa nhiều

Câu 63/ Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc là do:

- A. tác động của tân kiến tạo, tạo ra nhiều đứt gãy.
B. mưa nhiều trên địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh và sườn dốc
C. các đứt gãy ở tân kiến tạo trong điều kiện mưa nhiều
D. mưa nhiều trên địa hình đồng bằng nằm cạnh đồi núi cao

Câu 65 : Từ tháng XI đến tháng IV năm sau , ở vĩ tuyến 16° B trở vào loại gió chiếm ưu thế là :

- A. Gió tín phong bán cầu Bắc thổi theo hướng đông bắc
B. Gió Tây nam thổi từ cao áp cận chí tuyến nửa cầu nam.
C. Gió mùa Đông bắc thổi từ cao áp Si bia.
D. Gió Tây Nam thổi từ cao áp Ấn Độ Dương

. Câu 66 / Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc nước ta là:

- A. Hoạt động của gió mùa Tây Nam thổi từ nửa cầu Nam lên.
- B. Hoạt động của gió mùa Tây Nam thổi từ nửa cầu Nam và của dải hội tụ nhiệt đới.
- C. Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
- D. Hoạt động của gió mùa Tây Nam xuất phát vịnh Tây Ben gan và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 67 / Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazơ dễ tan làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ oxit sắt và oxit nhôm. Đó là quá trình hình thành đất ở vùng có khí hậu

- A. nhiệt đới khô
- B. nhiệt đới ẩm
- C. ôn đới hải dương
- D. ôn đới lục địa.

Câu 68/ Khu vực có gió thổi theo hướng Đông Nam vào mùa hè ở nước ta :

- A. Đồng bằng Sông Hồng.
- B. Bắc trung Bộ.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên

Câu 69/ Do tác động của gió mùa đông bắc nên nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta có kiểu thời tiết :

- A. lạnh , ẩm
- B. lạnh, khô
- C. ẩm áp, khô
- D. ẩm áp, ẩm

Câu 70. Mùa hè, khu vực có gió thổi theo hướng đông nam là

- A. Tây Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. ĐBSCL

BÀI 11: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

Câu hỏi và bài tập

Câu 1 : Càng về phía Nam nước ta thì :

- A. Nhiệt độ trung bình năm càng tăng .
- B. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm .
- D. Biên độ nhiệt năm càng tăng .

Câu 2 : Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam , vì phía Bắc :

- A. Gần chí tuyến
- B. Có một mùa đông lạnh
- C. Có một mùa hạ bị ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam
- D. Câu A+ B đúng

Câu 3 : Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ(bắc–nam)là sự phân hóa của :

- A. Địa hình
- B. Khí hậu
- C. Đất đai
- D. Sinh vật

Câu 4 : Sự phân hóa dải địa hình : vùng biển – thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo :

- A. Bắc – Nam
- B. Đông – Tây
- C. Độ cao
- D. Câu A + B đúng

Câu 5 : Đặc trưng khí hậu của vùng lãnh thổ phía bắc là :

- A. Nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh
- B. Cận nhiệt gió mùa có mùa đông lạnh
- C. Cận xích đạo gió mùa .
- D. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh

Câu 6 : Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở :

- A. Tây Bắc
- B. Đông bắc
- C. Bắc Trung Bộ
- D. Đồng bằng Bắc bộ .

Câu 7 : Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là .

- A. Đới rừng gió mùa cận xích đạo
- B. Đới rừng nhiệt đới gió mùa
- C. Đới rừng xích đạo
- D. Đới rừng nhiệt đới .

Câu 8:Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu phần phía Nam lãnh thổ (từ 16° B - dãy Bạch Mã trở vào)

- A. Quanh năm nóng B. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C .
C. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt D. Mùa khô có mưa phùn .

Câu 9 : Sự phân hóa thiên nhiên giữa vùng núi theo Đông – Tây chủ yếu là do

- A. Độ cao của núi B. Kinh tuyến
C. Hướng núi và sự tác động của các luồng gió D. Câu A+ C đúng

Câu 10 : Điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta .

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền .
B. Thềm lục địa phía bắc và phía nam có đáy nông mở rộng
C. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng .
D. Thềm lục địa miền trung thu hẹp tiếp giáp với vùng biển nước sâu.

Câu 11: Thiên nhiên vùng núi Tây bắc khác với Đông bắc ở điểm :

- A. Mùa đông bớt lạnh , nhưng khô hơn .
B. Mùa hạ đến sớm , đôi khi có gió tây , lượng mưa giảm .
C. Mùa đông lạnh đến sớm hơn ở các vùng núi thấp .
D. Khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình .

Câu 12 : Nơi có thềm lục địa thu hẹp, tiếp giáp vùng biển sâu của nước ta :

- A. Đồng bằng Bắc Bộ . C. Đồng bằng Nam Bộ .
B. Cả A và B . D. Đồng bằng ven biển Trung Bộ.

Câu 13 : Động vật nào sau đây không tiêu biểu cho phần phía nam lãnh thổ .

- A. Thú lớn (voi , hổ , báo) B. Thú có lông dày (gấu , chồn...)
C. Thú có nguồn gốc từ Mã lai - Indô nêxia D. Trăn , rắn cá sấu

Câu 14 : Đặc điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc.

- A. có mùa đông lạnh kéo dài với 2 - 3 tháng nhiệt độ $T_b < 18^{\circ}\text{C}$.
B. trong rừng còn có các loài á nhiệt đới
C. mùa đông bầu trời nhiều mây. D. mưa nhiều vào mùa đông.

Câu 15 : Đặc điểm khí hậu phần lãnh thổ phía Nam nước ta là :

- A. Nóng quanh năm chia thành 2 mùa mưa và khô.
B. Có mùa đông lạnh , ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa đông bắc .
C. Mang tính chất nhiệt đới gió mùa hải dương .
D. Cả ý A + B đúng .

Câu 16 : Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc có giới hạn độ cao

- A. trên 2600m. B. từ 600 - 700 m đến 2600m.
C. dưới 600 - 700m. D. từ 900m-1000m đến 2600m

Câu 17. Ở độ cao trên 2600 m ở nước ta khí hậu mang tính :

- A. nhiệt đới. B. cận nhiệt đới. C. ôn đới. D. xích đạo.

Câu 18 : Đặc điểm khí hậu của đai nhiệt đới gió mùa chân núi là:

- A. Mùa hạ nóng nhiệt độ trung bình trên 25°C .
B. chiếm 60% diện tích lãnh thổ cả nước .
C. mưa nhiều, độ ẩm tăng D. Câu A và C đúng .

Câu 19 : Nhóm đất có diện tích lớn trong đai nhiệt đới gió mùa chân núi là :

- A. Đất đồng bằng . C. Đất feralit vùng đồi núi thấp .
B. Đất feralit. D. Đất mùn Alit núi cao

Câu 20 : Hệ sinh thái nào sau đây không thuộc đai nhiệt đới gió mùa chân núi .

- A. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh .
B. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.
C. Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới phát triển trên đất feralit có mùn .
D. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh trên đá vôi .

Câu 21 : Khí hậu đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm .

- A. mát mẻ không có tháng nào trên 25°C .

- B. độ ẩm thay đổi tùy nơi: từ khô đến ẩm ướt
- C. Lượng mưa giảm khi lên cao.
- D. Độ ẩm giảm rất nhiều so với ở chân núi .

Câu 22 : Đất chủ yếu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Đất feralit trên đá vôi.
- C . Đất feralit trên đá badan
- B. Đất feralit có mùn và đất mùn
- D. Đất xám phù sa cổ .

Câu 23 : Đặc điểm khí hậu của đai ôn đới gió mùa trên núi là:

- A. Tổng nhiệt độ năm trên 4500⁰ C.
- C. Quanh năm nhiệt độ dưới 15⁰ C
- B. Nhiệt độ mùa đông trên 10⁰ C.
- D . Mưa nhiều độ ẩm tăng.

Câu 24 : Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông bắc Bắc bộ là :

- A. Tính chất nhiệt đới tăng dần theo hướng nam .
- B. Gió mùa đông bắc hoạt động mạnh tạo nên mùa đông lạnh.
- C. Có một mùa khô và mùa mưa rõ rệt.
- D. Gió phơn tây nam hoạt động rất mạnh.

Câu 25: Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông bắc Bắc bộ là

- A. Bão , lũ , trượt lở đất , hạn hán .
- B. Nhịp điệu mùa của khí hậu , sông ngòi thất thường , thời tiết không ổn định.
- C. Xói mòn , rửa trôi đất , lũ lụt , thiếu nước nghiêm trọng về mùa mưa .
- D. Động đất , lũ quét , lũ ống , hạn hán .

Câu 26 : Khoáng sản nổi bật nhất của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là :

- A. Than đá và Apatit
- B. Dầu khí và bôxít
- C. Vật liệu xây dựng và quặng sắt
- D. Thiếc và khí tự nhiên.

Câu 27: Địa hình Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là nơi có nhiều :

- A. Vịnh , đảo và quần đảo
- B. Địa hình đá vôi
- C. các khối núi cổ và các cao nguyên badan
- D. các dãy núi theo hướng Tây Bắc - Đông Nam

Câu 28 : Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có :

- A. Địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế .
- B. Hướng núi và thung lũng nổi bật là vòng cung.
- C. Đồng bằng châu thổ mở rộng về phía biển .
- D. Đầy đủ 3 đai cao khí hậu .

Câu 29: Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất đai của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là :

- A. Thời tiết không ổn định
- B. Bão ,lũ, trượt lở đất
- C. Thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô
- D. Hạn hán , bão ,lũ

Câu 30: Giàu khoáng sản : than, đá vôi, sắt, chì kẽm, có bể khí là miền :

- A. Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- C. Tây Bắc và Bắc Trung Bộ .
- B. Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ .
- D. Trung du miền núi Bắc Bộ .

Câu 31 / Nguyên nhân làm hạ thấp đai cao cận nhiệt đới của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là :

- A/ do độ cao địa hình
- B/ do khí hậu lạnh
- C/ do hướng núi vòng cung
- D / do gió mùa đông bắc hoạt động mạnh

Câu 32 / Nhóm đất phù sa chiếm 24% diện tích đất tự nhiên cả nước nằm ở :

- A / Đồng Bằng Sông Cửu Long
- B / đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi
- C/ đai ôn đới gió mùa trên núi
- D / đai nhiệt đới gió mùa

Câu 33/ Đất chủ yếu là mùn thô phân bố ở :

- A/ Trung du miền núi Bắc Bộ
- B / đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi
- C/ đai ôn đới gió mùa trên núi
- D / đai nhiệt đới gió mùa

Câu 34 / Ở đai Cận nhiệt đới gió mùa trên núi, các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya xuất hiện ở :

- A/ độ cao từ 600,700m đến 1000, 1200m
- B/ độ cao từ 1000,1200m đến 1600, 1700m
- C/ độ cao từ 1600,1700m đến 2600m
- D/ độ cao từ 600,700m đến 1600, 1700m

Câu 35 / Về mặt khí hậu : Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ khác với Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ :

- A/ có mùa đông lạnh
- B/ có mặt của thành phần thực vật phương Nam
- C/ có gió mùa Tây Nam hoạt động
- D/ có tính chất nhiệt đới tăng dần

Câu 36/ : Phần lãnh thổ phía Bắc(từ dãy Bạch Mã trở ra), có đặc điểm :

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C , biên độ nhiệt năm lớn
- B. Mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa
- C. Đới rừng cận xích đạo gió mùa là cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu
- D. Tất cả các ý trên

Câu 37 / Khi sườn Đông Trường Sơn đón gió từ biển thổi vào tạo nên mùa mưa thì ở Tây Nguyên có :

- A/ cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B/ cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.
- C/ gió tây khô nóng hoạt động.
- D/ xuất hiện cảnh quan rừng thưa

Câu 38/Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã vào) :

- A/ đới rừng nhiệt đới gió mùa
- B/ đới rừng rụng lá theo mùa
- C/ đới rừng nhiệt đới ẩm gió mùa
- D/ đới rừng cận xích đạo gió mùa

Câu 39/ Các đặc điểm : đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung của các dãy núi, các thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng là của :

- A/ Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
- B/ Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ
- C/ miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- D/ Trường Sơn Nam và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 40 : Đới nhiệt đới gió mùa ở miền Nam có giới hạn độ cao lên đến :

- A. 2600m.
- B. 1600m.
- C. 600 - 700m.
- D. 900m-1000m

Câu 41./ Núi Tây Côn Lĩnh (2419m) thuộc khu vực núi :

- A. Đông Bắc
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam

Câu 42./ Nơi hình thành rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất ở nước ta :

- A. Đông Nam Bộ
- B. Tây Nguyên.
- C. Trung Du miền núi Bắc Bộ
- D. Miền Trung

Câu 43 / Hệ sinh thái xavan , cây bụi gai nhiệt đới khô trên đất cát , đất thoái hóa vùng khô hạn có ở :

- A / Đồng Bằng Sông Cửu Long
- B / đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi
- C/ đai ôn đới gió mùa trên núi
- D / đai nhiệt đới gió mùa

Câu 44/ Sự phân chia lãnh thổ nước ta thành 2 miền khí hậu, với ranh giới dãy Bạch Mã chủ yếu dựa trên sự khác biệt về :

- A. nền nhiệt và chế độ mưa.
- B. nền nhiệt và biên độ nhiệt
- C. biên độ nhiệt và lượng mưa
- D. biên độ nhiệt và độ ẩm

Câu 45 / Thành phần loài nào sau đây không phải thuộc các họ cây nhiệt đới:

- A. đỗ quyên
- B. đậu
- C. dâu tằm
- D. dầu

Câu 46 / Các hoạt động của giao thông vận tải, du lịch, công nghiệp khai thác chịu ảnh hưởng chủ yếu trực tiếp của :

- A. sự phân mùa khí hậu
B. độ ẩm cao của khí hậu
C. các hiện tượng: đông, lở, mưa đá,.....
D. tính thất thường của chế độ nhiệt ẩm

=====

BÀI 14: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Câu 1: Để đảm bảo vai trò của rừng đối với việc bảo vệ môi trường, cần nâng độ che phủ rừng nước ta lên tỉ lệ

- A. 30–35%. B. 35–40%. C. 40–45%. D. 45–50%.

Câu 2: Số lượng loài động thực vật quý hiếm được đưa vào sách đỏ Việt Nam là

- A. 340 loài thực vật, 350 loài động vật. B. 360 loài thực vật, 350 loài động vật.
C. 360 loài thực vật, 340 loài động vật. D. 350 loài thực vật, 360 loài động vật.

Câu 3 : Từ năm 1983 đến 2005 (theo SGK Địa lí 12 tr 58), sự biến động diện tích rừng không theo xu hướng tăng lên ở :

- A. Tổng diện tích có rừng .
B. Chất lượng rừng
C. Diện tích rừng tự nhiên
D. Độ che phủ rừng .

Câu 4 : Nhìn tổng thể, từ năm 1943 đến 2005 (theo SGK Địa lí 12 tr 58), ở nước ta có :

- A. Diện tích rừng tự nhiên giảm . B. Diện tích rừng trồng tăng lên .
C. Phần lớn diện tích rừng tăng là rừng đã khai thác được .
D. Câu A+ B đúng .

Câu 5 : Mặc dù tổng diện tích rừng đang dần tăng lên , nhưng tài nguyên rừng vẫn suy thoái, vì:

- A. Diện tích rừng tự nhiên giảm .
B. Tổng diện tích rừng giảm .
C. Diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi chiếm phần lớn.
D. Diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi tăng lên

Câu 6 : Việc bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta có ý nghĩa chủ yếu về mặt.

- A. Giá trị kinh tế .
B. Cân bằng môi trường sinh thái .
C. Cảnh quan môi trường tự nhiên.
D. Câu A+ B đúng .

Câu 7 : Theo quy hoạch , ở vùng núi dốc phải đạt độ che phủ khoảng (%)

- A. 50-60 B. 60-70 C. 70-80 D. 80-90

Câu 8 : Quy định về nguyên tắc quản lí sử dụng và phát triển đối với rừng phòng hộ là:

- A. Bảo vệ cảnh quan , đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia , khu dự trữ thiên nhiên về rừng và khu bảo tồn các loài .
- B. Có kế hoạch , biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có , trồng rừng trên đất trống , đồi núi trọc .
- C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng , duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng , độ phì và chất lượng rừng .
- D. Câu A + C đúng .

Câu 9 : Sự suy giảm đa dạng sinh vật của nước ta được biểu hiện chủ yếu ở mặt :

- A. Thành phần loài .
B. Kiểu hệ sinh thái
C. Nguồn gen
D. Tất cả đều đúng.

Câu 10 : Để bảo vệ đất đồi núi cần quan tâm đến việc :

- A. Quản lý sử dụng vốn đất hợp lý .
B. Sử dụng các biện pháp chống suy thoái đất .
C. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác .
D. Phòng ngừa ô nhiễm môi trường đất.

Câu 11 : Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp là :

- A. Thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc .
- B. Áp dụng biện pháp nông , lâm kết hợp .
- C. Chống suy thoái và ô nhiễm đất .
- D. Ngăn chặn nạn du canh , du cư .

Câu 12 : Trong những năm gần đây diện tích đất trồng, đồi trọc ở nước ta đã giảm mạnh là nhờ :

- A. Mở rộng các khu kinh tế mới .
- B. Khai hoang , mở rộng diện tích đất trồng trọt.
- C. Xây dựng và phát triển các vùng chăn nuôi gia súc .
- D. Toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng .

Câu 13 : Để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi, về mặt kỹ thuật canh tác cần thực hiện biện pháp :

- A. Trồng trọt theo đường bình độ .
- C. Bảo vệ rừng và đất rừng .
- B. Ngăn chặn nạn du canh , du cư .
- D. Áp dụng biện pháp nông , lâm kết hợp

Câu 14 : Nguyên nhân làm cho những năm gần đây , diện tích đất hoang đồi núi trọc giảm mạnh là :

- A. Khai hoang , mở rộng diện tích đất trồng trọt.
- B. Toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng .
- C. Phát triển thủy điện và thủy lợi .
- D. Mở rộng các khu dân cư và đô thị .

Câu 15 : Biện pháp chủ yếu để bảo vệ tài nguyên đất ở vùng đồi núi là :

- A. Làm ruộng bậc thang , đào hồ vẫy cá , trồng cây theo băng .
- B. Cải tạo đất hoang đồi trọc bằng các biện pháp nông – lâm kết hợp .
- C. Thực hiện nghiêm ngặt các quy định bảo vệ rừng định canh, định cư cho người dân
- D. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi , canh tác , bảo vệ rừng , giữ nguồn nước

Câu 16 : Quy định về nguyên tắc quản lý sử dụng và phát triển đối với rừng đặc dụng là:

- A. Bảo vệ cảnh quan , đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên .
- B. Có kế hoạch , biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có , trồng rừng trên đất trống , đồi núi trọc .
- C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng , duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng , độ phì và chất lượng rừng .
- D. Câu A + C đúng .

Câu 17. Quy định về nguyên tắc quản lý sử dụng và phát triển đối với rừng sản xuất là:

- A. Bảo vệ cảnh quan , đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên .
- B. Có kế hoạch , biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có , trồng rừng trên đất trống , đồi núi trọc .
- C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng , duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng , độ phì và chất lượng rừng .
- D. Cả A, B, C đều đúng .

Câu 18 : Sự đa dạng sinh vật tự nhiên của nước ta được biểu hiện ở :

- A. Thành phần loài .
- B. Kiểu hệ sinh thái
- C. Nguồn gen
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 19/ Trong thực hiện chiến lược quốc gia, đến năm 2010 trồng được 5 triệu ha rừng nhằm nâng độ che phủ lên :

- A. 40 %.
- B. 41%.
- C. 42 %.
- D. 43 %.

Câu 20/ Để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước, Nhà nước ta đã :

- A/ ban hành sách đỏ Việt Nam.
- C/ ban hành các quy định trong khai thác

B/ xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia.

D/ xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên

Câu 21/ Ý nào sau đây *không phải* là hậu quả của việc sử dụng đất và rừng không hợp lý ở nước ta :

A. tăng cường quá trình xói mòn, rửa trôi đất

B. gây lũ lụt trong mùa mưa, hạn hán trong mùa khô.

C. làm cho địa hình bị cắt xẻ mạnh, lắm sông suối, hẻm vực

D. làm tăng diện tích đất trống, đồi núi trọc.

Câu 22/ Theo mục đích sử dụng thì rừng được phân thành :

A. rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

B. rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng rậm nhiệt đới.

C. rừng thưa, rừng đặc dụng, rừng tre nứa, cây gỗ

D. rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn

Câu 23/ Theo quy hoạch, phải nâng độ che phủ rừng của nước ta từ 38% lên ... (%)

A. 45 - 50

B. 55 - 60

C. 65 - 70

D. 75 - 80

BÀI 15: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Câu 1: Hiện tượng ngập úng nghiêm trọng ở châu thổ sông Hồng không chỉ do diện mưa bão rộng mà còn do :

A. Ảnh hưởng của triều cường.

B. Địa hình dốc, nước tập trung mạnh.

C. Địa hình thấp lại bị bao bọc bởi hệ thống đê sông, đê biển.

D. Không có các công trình thoát lũ.

Câu 2: Ở nước ta, khu vực có thời kì trong năm hạn hán kéo dài nhất là:

A. Tây Bắc

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Tây Nguyên

D. ven biển cực Nam Trung Bộ

Câu 3: Ở nước ta, khu vực có nguy cơ xảy ra động đất mạnh nhất là

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Nam Trung Bộ.

D. Nam Bộ.

Câu 4 : Nhìn chung mùa bão ở nước ta từ tháng → tháng :

A. 5 ->10

B. 6 ->11

C. 7 ->12

D. 5 ->12

Câu 5 : Bão ở nước ta tập trung nhiều nhất vào tháng :

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Câu 6 : 70% số cơn bão trong toàn mùa bão thuộc về các tháng .

A. 5,6,7

B. 6,7,8

C. 7,8,9

D. 8,9,10

Câu 7 : Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là :

A. Ở miền Bắc muộn hơn miền Nam

B. Ở miền Trung sớm hơn miền Bắc

D. Chậm dần từ Bắc vào Nam

D. Chậm dần từ Nam ra Bắc

Câu 8 : Nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão là :

A. Đồng bằng Bắc Bộ

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Duyên hải Nam Trung Bộ

D. Ven biển Trung bộ

Câu 9 : Việc phòng chống bão cần kết hợp với chống lụt , úng ở đồng bằng và chống lũ chống xói mòn ở miền núi , vì khi có bão thường xảy ra .

A. Mưa rất lớn .

B. Gió rất mạnh .

C. Thủy triều dâng cao

D. Tất cả đều đúng

Câu 10 : Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường biểu hiện ở :

A/ mất rừng, suy giảm đa dạng sinh học.

B/ nhiều chất thải công nghiệp, sinh hoạt

C/ nguồn nước, không khí, đất bị ô nhiễm nặng

D/ sự gia tăng thiên tai và sự biến đổi bất thường của thời tiết, khí hậu

Câu 11: : Nguyên nhân làm cho đồng bằng hạ lưu các sông lớn ở Nam Trung Bộ ngập lụt mạnh vào các tháng 9,10 là :

- A. Có nhiều đầm phá làm chậm thoát nước sông ra biển .
- B. Sông ngắn dốc , tập trung nước nhanh
- C. Mực nước biển dâng cao làm ngập mạnh vùng ven biển .
- D. Do mưa bão lớn ,nước biển dâng và lũ nguồn dồn về

Câu 12 Biện pháp phòng chống bão quan trọng nhất là :

- A. Dự báo được khá chính xác về quá trình hình thành và di chuyển của bão .
- B. Tàu thuyền trên biển phải gấp rút tránh xa vùng tâm bão , trở về đất liền .
- C. Nếu có bão mạnh phải sơ tán dân .
- D. Tất cả đều đúng .

Câu 13 : Vùng đồng bằng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất là :

- A. Đồng bằng Sông Hồng
- B. Đồng bằng sông cửu Long
- C. Đồng bằng duyên hải miền trung
- D. Câu A+ B đúng

Câu 14 : Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho ĐBSCL chịu ngập lụt là :

- A. Địa hình đồng bằng thấp và không có đê sông , đê biển .
- B. Xung quanh các mặt đất thấp có đê bao bọc .
- C. Mưa lớn kết hợp với triều cường .
- D. Mật độ xây dựng cao .

Câu 15 : Nguyên nhân làm cho nhiều vùng trũng ở Bắc Trung Bộ ngập lụt mạnh vào các tháng 9,10 là :

- A. Có nhiều đầm phá làm chậm thoát nước sông ra biển .
- B Sông ngắn dốc , tập trung nước nhanh
- C. Mực nước biển dâng cao làm ngập mạnh vùng ven biển .
- D. Do mưa bão lớn ,nước biển dâng và lũ nguồn dồn về

Câu 16 : Khi tiến hành tiêu nước chống ngập úng ở ĐBSCL cần tính tới các công trình thoát lũ và ngăn thủy triều , vì nguyên nhân gây lũ ở đây là do :

- A. Nước mưa lớn trên nguồn ồn về nhanh nhiều
- B. Mưa lớn kết hợp với triều cường .
- C. Mặt đất thấp xung quanh có đê.
- D. Mật độ dân cư và nhà cửa cao.

Câu 17: Mưa bão lớn , nước biển dâng , lũ nguồn đã làm cho nhiều vùng trũng Bắc Trung Bộ và đồng bằng hạ lưu các sông lớn Nam Trung Bộ bị ngập úng mạnh vào các tháng .

- A. 8-9
- B. 9-10
- C. 10-11
- D. 8-11

Câu 18: Vùng thường xảy ra lũ quét là :

- A. Vùng núi phía Bắc
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Tây Nguyên
- D. Đông Nam Bộ .

Câu 19 : Mùa khô kéo dài tới 6-7 tháng ở :

- A. Đồng bằng Nam Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Vùng ven biển cực Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 20 : Để phòng chống khô hạn lâu dài cần :

- A. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng .
- B. Bố trí nhiều trạm bơm nước.
- C Thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.
- D. Xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí

Câu 21 : Vùng có hoạt động động đất mạnh nhất ở nước ta là :

- A. Ven biển Nam Trung Bộ
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Tây Bắc
- D. Đông Bắc

Câu 22: Thiên tai nào sau đây không phải là hệ quả của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa lớn tập trung vào mùa mưa ở nước ta .

- A. Động đất
- B. Ngập lụt
- C. Lũ quét
- D. Hạn hán

Câu 23 : Vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là :

- A. Biến đổi khí hậu toàn cầu và Ô nhiễm môi trường

- B. Tình trạng mất cân bằng sinh thái và Ô nhiễm môi trường .
- C. Bảo vệ tài nguyên khỏi cạn kiệt và Chống ô nhiễm môi trường
- D. Đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững .

Câu 24 : Loại thiên tai nào sau đây tuy mang tính cục bộ địa phương , nhưng diễn ra thường xuyên và cũng gây thiệt hại lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân .

- A. Khô hạn và cháy rừng
- B. Ngập úng , lũ quét và hạn hán.
- C. Động đất
- D. Lốc , mưa đá , sương muối .

Câu 25 : Vào các tháng 10-12 lũ quét thường xảy ra ở các tỉnh thuộc :

- A. Thượng nguồn sông Đà (Sơn La, Lai Châu)
- B. Lưu vực sông thao (Lào cai , Yên Bái)
- C. Lưu vực sông cầu (Bắc Kạn , Thái Nguyên)
- D. Suốt dải miền Trung.

Câu 26/ Một trong các giải pháp để giảm thiệt hại do lũ quét gây ra là :

- A. di dân ra khỏi vùng sạt lở.
- B. tổ chức định canh định cư cho đồng bào miền núi.
- C. thực hiện các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp trên đất dốc
- D. xây dựng các công trình thủy điện

Câu 27 / Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường ở nước ta nhằm đảm bảo :

- A/ duy trì các hệ sinh thái có ý nghĩa quyết định đến đời sống con người
- B/ sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững.
- C/ chống ô nhiễm môi trường.
- D/ chống biến đổi khí hậu toàn cầu

Câu 28/ Vùng núi phía Bắc lũ quét thường xảy ra vào các tháng :

- A. IX-X.
- B. V-X
- C. VI - X
- D. IV - X

Câu 29/ Biện pháp nào không liên quan đến việc giảm nhẹ thiệt hại do lũ quét gây ra

- A. qui hoạch các điểm dân cư tránh các vùng lũ quét.
- B. thực hiện các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp trên đất dốc
- C. quản lý sử dụng đất đai một cách hợp lý.
- D. hạn chế sự di cư dân số một cách triệt để.

Câu 30/ Thực hiện chiến lược trồng mới 5 triệu ha rừng để đến năm 2010 đạt được mục tiêu độ che phủ rừng là :

- A. 40%
- B. 41%
- C. 42%.
- D. 43%

Câu 31 / Hai vấn đề lớn trong sử dụng tài nguyên nước của nước ta hiện nay là

- A. nguồn nước ngầm bị cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước.
- B. ngập lụt trong mùa mưa, thiếu nước trong mùa khô và ô nhiễm nguồn nước.
- C. sự phân hóa nguồn nước giữa các vùng và ô nhiễm nguồn nước.
- D. ngập lụt trong mùa mưa, thiếu nước trong mùa khô và nguồn nước ngầm bị cạn kiệt

CÂU HỎI DÙNG ÁT LÁT ĐỊA LÍ

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 - 5, cho biết số lượng các tỉnh tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia lần lượt là

- A. 7,9,8 .
- B. 6,9,10.
- C. 8,9,10.
- D. 7,10,10

Câu 2 / Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, không có tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn.
- B. Tuyên Quang.
- C. Cao Bằng.
- D. Hà Giang

Câu 3 / Nhìn vào Atlas trang 4,5. Cho biết Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với quốc gia nào?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia
- B. Trung Quốc, Campuchia

C. Lào, Campuchia, Mianma

D. Lào, Campuchia

Câu 4 / Nhìn vào Atlas ĐLVN trang 4, 5 . Cho biết tỉnh nào sau đây có biên giới với cả Lào và Campuchia

A. Kon Tum

B. Quảng Nam

C. Điện Biên

D. Bình Phước

Câu 5/ Căn cứ vào atlas địa lý trang 4-5 hãy cho biết, Việt Nam không có đường biên giới cả đất liền và trên biển với ?

A. Lào

D. Campuchia

C. Trung Quốc

B. Thái Lan

Câu 6 / Mỏ khí đốt nằm ở khu vực Đồng bằng Sông Hồng (atlas địa lý trang 8)

A. Lan Tây.

B. Lan Đỏ

C. Đại Hùng

D. Tiền Hải.

Câu 7/ Căn cứ vào atlas trang 10, (biểu đồ đường về chế độ nước một số sông). Tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, Sông Hồng, Sông Đà Rằng lần lượt là :

A. 10,8,11

B. 10,8,10

C. 11,8,10

D. 9,8,11

Câu 8 / Căn cứ vào atlas trang 10, bản đồ lưu vực các sông nước ta , cho biết hệ thống sông có dòng chảy đổ nước sang lãnh thổ Trung Quốc :

A. Sông Hồng.

B. Sông Mê Công

C. Sông Đà

D. Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang.

Câu 9/ Căn cứ vào atlas trang 9 bản đồ khí hậu, bản đồ lượng mưa... Cho biết những nơi có lượng mưa lớn (từ 2400mm đến 2800 mm):

A. đồng bằng ven biển miền Trung.

B. đồng bằng châu thổ (Sông Hồng, Sông Cửu long)

C. các sườn núi đón gió và các khối núi cao.

D. Các khu vực dọc vùng núi Đông Bắc.

Câu 10. Dựa vào atlas địa lý Việt Nam trang 6 và 7 – hãy cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh nào

A. Thanh Hóa

B. Sơn La

C. Phú Yên

D. Nghệ An

Câu 11. Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** với sự phân bố mưa ở nước ta?

A. Lượng mưa phân bố không đều theo lãnh thổ

B. Mùa mưa tập trung chủ yếu từ tháng V đến tháng X

C. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam

D. Khu vực cực Nam Trung Bộ mưa ít nhất

Câu 12. Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9 cho biết Mùa hè, khu vực có gió thổi theo hướng đông nam là

A. Tây Bắc.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. ĐBSCL

Câu 13. Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 14 cho biết đỉnh núi nào cao hơn?

A. Bi Đoup.

B. Kon Ka Kinh.

C. Ngọc Linh

D. Chư Yang Sin

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4, hãy cho biết vùng biển nước nào sau đây không giáp vùng biển Việt Nam ?

A. Singapo.

B. Bru nây.

C. Mianma.

D. Trung Quốc.

PHẦN THỰC HÀNH

Dựa vào bảng số liệu sau :

Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
----------	----------------------------------	------------------------------------	------------------------------

Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
Tp. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	26,9

Câu hỏi :

1/ Nhận xét nào chưa chính xác :

- A. Ở các địa điểm phía Bắc dãy Bạch Mã biên độ nhiệt cao hơn các địa điểm phía Nam dãy Bạch Mã .
 B. Ở các địa điểm phía Bắc dãy Bạch Mã biên độ nhiệt thấp hơn các địa điểm phía Nam dãy Bạch Mã .
 C. Trong tháng I nhiệt độ tăng dần khi đi từ các địa điểm phía Bắc vào phía Nam
 D. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần khi đi từ các địa điểm phía Bắc vào phía Nam

2/ Nguyên nhân chính của sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam trong tháng 1 là do:

- A. phía Bắc nằm gần chí tuyến, còn phía Nam nằm gần xích đạo
 B. góc nhập xạ phía Bắc nhỏ hơn phía Nam.
 C. tác động của gió mùa đông bắc.
 D. cả A,B,C đều sai

3/ Nhận xét nào là đúng với bảng số liệu trên :

- A. Nhiệt độ TB tháng I giảm dần từ Bắc vào Nam.
 B. Nhiệt độ TB tháng VII giảm dần từ Bắc vào Nam.
 C. Nhiệt độ TB tháng VII giữa các địa điểm ít chênh lệch hơn so với tháng I.
 D. Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII càng vào Nam càng lớn

Dựa vào bảng số liệu sau :Lượng mưa, lượng bốc hơi của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa	Khả năng bốc hơi
Hà Nội	1.676 mm	989 mm
Huế	2.868 mm	1.000 mm
Tp Hồ Chí Minh	1.931 mm	1.686 mm

Câu hỏi :

4 / Cân bằng ẩm cao nhất thuộc địa điểm :

- A. Hà Nội B. Huế C. Tp Hồ Chí Minh. D. tất cả sai

5 / Tp Hồ Chí Minh có lượng bốc hơi lớn nhất là do :

- A. Chịu tác động của gió mùa Đông bắc khô
 B. Chịu tác động của thời tiết nóng quanh năm
 C. Chịu tác động của nhiệt độ cao, đặc biệt mùa khô kéo dài .
 D. Chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Tây Nam nóng

Dựa vào bảng số liệu về sự suy thoái tài nguyên rừng thời kì 1943 - 2005, hãy trả lời các câu hỏi dưới đây sau khi đã xử lý số liệu:

(đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	1983	2005
Tổng diện tích có rừng	14,3	7,2	12,7
Rừng tự nhiên	14,3	6,8	10,2
Rừng trồng	0,0	0,4	2,5

Câu 6. Từ năm 1943 đến năm 2005, diện tích rừng tự nhiên của nước ta đã giảm bao nhiêu triệu ha:

- A. 1,6 B. 1,8 C. 2,8 D. 2,6

Câu 7. Tính chung từ năm 1983 đến 2005, Tài nguyên rừng có cải thiện nhờ

- A. Nạn phá rừng đã giảm C. chất lượng rừng tăng nhanh

B. Diện tích trồng rừng tăng lên

D. Tất cả đều sai

Câu 8. Từ năm 1943 đến năm 1983, trung bình mỗi năm diện tích rừng tự nhiên của nước ta đã giảm bao nhiêu vạn ha:

A. 17,75

B. 17,85

C. 18,75

D. 177,5

CÂU HỎI VỀ BIỂU ĐỒ

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2012	2015
Tổng diện tích	2495,1	2808,1	2952,7	2827,3
Cây hàng năm	861,5	797,6	729,9	676,8
Cây lâu năm	1633,6	2010,5	2222,8	2150,5

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2015, cần phải vẽ biểu đồ

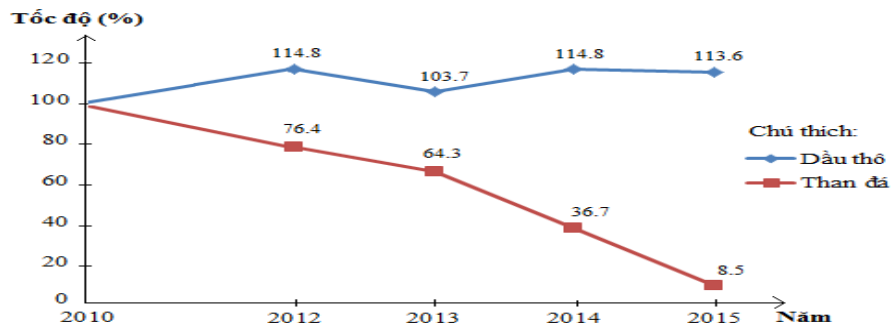
A. miền.

B. tròn.

C. cột.

D. đường.

Câu 2. Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Biểu đồ có **điểm sai** ở nội dung nào sau đây?

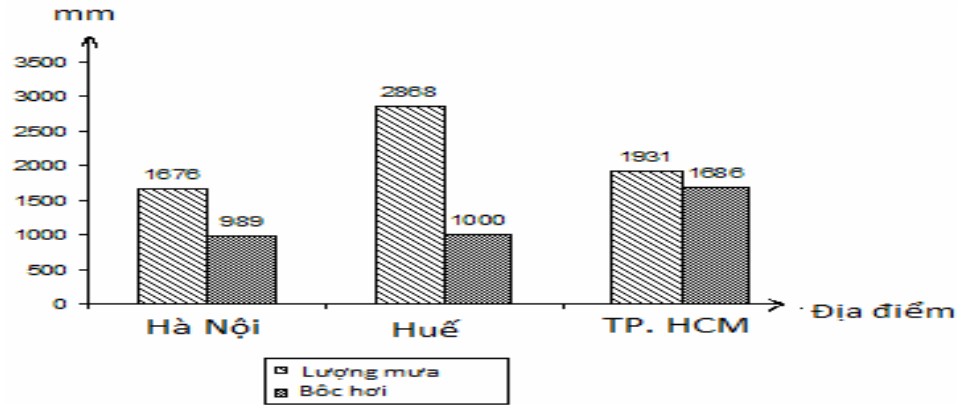
A. Bản chú giải.

B. Khoảng cách năm.

C. Độ cao của cột.

D. Tên biểu đồ

Câu 3. Cho biểu đồ:

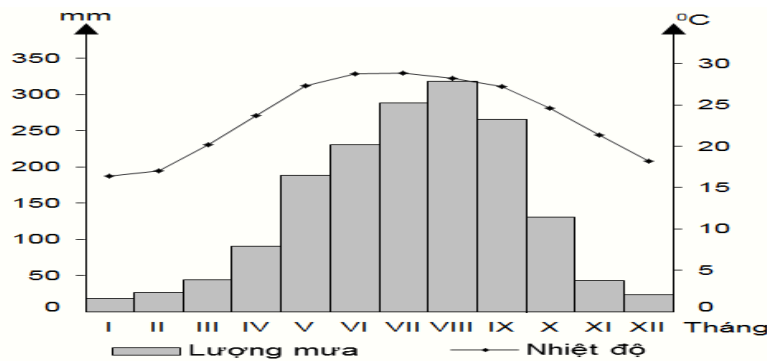


Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Lượng mưa và độ ẩm của một số địa điểm nước ta.
- B. Nhiệt độ và độ ẩm của một số địa điểm nước ta.
- C. Nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm nước ta.
- D. Lượng mưa và lượng bốc hơi của một số địa điểm nước ta.

Câu 4.. Cho biểu đồ:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

- A. Chế độ mưa có sự phân mùa.
- B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C
- C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII.
- D. Nhiệt độ các tháng trong năm không đều.

ĐỀ MẪU LUYỆN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ 1.

Câu 1. Về mặt tự nhiên nước Việt Nam nằm ở:

- A. bán đảo Trung Ấn, khu vực cận nhiệt đới gió mùa châu Á.
- B. rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
- C. phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
- D. rìa phía đông châu Á, khu vực nhiệt đới gió mùa Châu Á.

Câu 2. Căn cứ vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 24, đi từ Bắc vào Nam theo biên giới Việt - Lào, ta đi qua lần lượt các cửa khẩu:

- A. Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang, Bờ Y.
- B. Cầu Treo, Tân Thanh, Lao Bảo, Bờ Y.
- C. Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Tây Trang.
- D. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo, Bờ Y

Câu 3. “Địa thế cao hai đầu, thấp ở giữa, chạy theo hướng tây bắc - đông nam”. Đó là đặc điểm núi của vùng:

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Tây Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 và trang 7, hãy cho biết dãy núi nào sau đây **không** chạy theo hướng tây bắc- đông nam?

- A. Hoàng Liên Sơn B. Đông Triều C. Con Voi D. Pu Đen Đinh

Câu 5. Đây là đặc điểm của đồng bằng ven biển miền Trung:

- A. Là một tam giác châu thổ có diện tích 15 000 km².
B. Nằm ở vùng biển nông, thềm lục địa mở rộng.
C. Hình thành trên vùng sụt lún ở hạ lưu các sông lớn.
D. Biển đóng vai trò chủ yếu trong việc hình thành nên có nhiều cồn cát.

Câu 6. Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng :

- A. Nam Bộ và Trung bộ. B. Tây Nguyên và Nam Bộ.
C. Phía Nam đèo Hải Vân. D. Trên cả nước.

Câu 7. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

- A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
D. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 8. Kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là

- A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
B. Rừng gió mùa thường xanh.
C. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, các vườn quốc gia trên đảo của nước ta từ Bắc vào Nam, lần lượt là:

- A. Bái Tử Long, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.
B. Cát Bà, Côn Đảo, Bái Tử Long, Phú Quốc
C. Bái Tử Long, Cát Bà, Phú Quốc, Côn Đảo.
D. Bái Tử Long, Côn Đảo, Cát Bà, Phú Quốc.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định ranh giới để phân chia hai miền khí hậu chính ở nước ta là:

- A. Dãy Bạch Mã. B. Đèo Ngang.
C. Đèo Hải Vân. D. Dãy Hoàng Sơn.

Câu 11. Miền Bắc ở độ cao trên 600 – 700 m, còn miền Nam phải 900 - 1000 m mới xuất hiện đai cận nhiệt gió mùa trên núi. Lí do chính là vì :

- A. Địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
B. Miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
C. Nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.
D. Miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.

Câu 12. Đây là đặc điểm hoạt động của bão ở nước ta :

- A. Diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước.
B. Tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.
C. Chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B.
D. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 13. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta:

- A. Chiến tranh (bom đạn, chất độc hóa học), khai thác quá mức.
B. Hạn hán, chiến tranh, thiên tai.
C. Công nghệ khai thác lạc hậu, hạn hán.
D. Khai thác đánh bắt quá mức và ô nhiễm môi trường.

Câu 14. Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta được xác định là ranh giới ngoài của vùng

- A. đặc quyền kinh tế B. tiếp giáp lãnh hải. C. lãnh hải. D. nội thủy.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng 7 cao hơn trung bình tháng 1
B. Nhiệt độ trung bình năm của cả nước trên 20°C (trừ vùng núi cao),
C. Nhiệt độ trung bình tháng 7 chênh lệch giữa các vùng ít.
D. Nhiệt độ trung bình tháng 1 giảm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 16. Nhiệt độ trung bình của đai ôn đới gió mùa trên núi là:

- A. Thấp hơn 15°C . B. 15°C .
C. Lớn hơn 15°C . D. Luôn lớn hơn 20°C

Câu 17. Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là :

- A. Vịnh Bắc Bộ. B. Vịnh Thái Lan.
C. Bắc Trung Bộ D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, nằm ở phía bắc của hệ thống Trường Sơn Nam là cao nguyên:

- A. Di Linh B. Kon Tum C. Buôn Mê Thuột D. Mơ Nông

Câu 19. Ranh giới của vùng núi Tây Bắc là :

- B. A. Sông Hồng và sông Đà. B. Sông Đà và Sông Mã.
C. C. Sông Hồng và sông Cả. D. Sông Hồng và sông Mã.

Câu 20. Đất Fe-ra-lit ở nước ta thường bị chua vì :

- A. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
B. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .
C. Mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan.
D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

Câu 21. Đây là điểm khác nhau cơ bản của khí hậu Nam Bộ và khí hậu Tây Nguyên.

- A. Tây Nguyên có mưa lệch pha sang thu đông.
B. Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.
C. Nam Bộ có hai mùa mưa khô đối lập.
D. Nam Bộ có khí hậu nóng và điều hoà hơn.

Câu 22. Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc :

- A. Thành phố Hải Phòng. B. Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Tỉnh Cà Mau.

Câu 23. Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là :

- A. Có mật độ dân số cao nhất nước ta.
B. Có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
C. Có lượng mưa lớn nhất nước.
D. Có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Cho bảng số liệu: Sự biến động diện tích rừng nước ta, giai đoạn 1943 - 2012

Năm	1943	1983	1999	2005	2012
Diện tích rừng (triệu ha)	14,3	7,2	10,9	12,4	13,9

Tỉ lệ che phủ (%)	43,8	22,0	33,0	37,7	40,7
-------------------	------	------	------	------	------

(Nguồn số liệu – tổng cục thống kê)

Dùng cho câu trả lời 24, 25

Câu 24. Từ bảng số liệu trên em, thể hiện sự biến động diện tích rừng thích hợp nhất là biểu đồ:

- A. tròn B. cột C. kết hợp (cột và đường) D. đường

Câu 25. Nhận định đúng nhất về sự biến động diện tích rừng của nước ta hiện nay là:

A. Diện tích rừng và tỉ lệ che phủ đang có xu hướng tăng, nhưng vẫn thấp hơn so với trước đây.

B. Diện tích rừng đang tiếp tục bị suy giảm, tỉ lệ che phủ đang có xu hướng tăng

C. Diện tích rừng tăng lên, tỉ lệ che phủ đang có xu hướng giảm so với trước đây.

D. Diện tích rừng và tỉ lệ che phủ đang có xu hướng giảm so với trước đây

Câu 26. Câu nào dưới đây thể hiện được mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta ?

A. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.

B. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.

C. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.

D. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

Câu 27. Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là

A. cận nhiệt đới gió mùa.

B. cận xích đạo gió mùa.

C. nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 28. Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi của nước ta là :

A. Dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét.

B. Nhiều nguy cơ phát sinh động đất.

C. Dễ xảy ra tình trạng thiếu nước.

D. Nạn cháy rừng dễ diễn ra nhất.

Câu 29. Hai bể trầm tích có trữ lượng dầu khí lớn nhất nước ta là :

A. Sông Hồng và Trung Bộ.

B. Cửu Long và Sông Hồng.

C. Nam Côn Sơn và Cửu Long.

D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 30. Trong 4 địa điểm sau, nơi có mưa nhiều nhất là:

A. Hà Nội.

B. Huế.

C. Nha Trang.

D. Phan Thiết.

Câu 31. Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm :

A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.

B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.

C. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.

D. Kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 32. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm?

A. Tháng VI.

B. Tháng VII.

C. Tháng VIII.

D. Tháng IX.

Câu 33. Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu là do

A. Ảnh hưởng của các khối không khí hoạt động theo mùa khác nhau về hướng và tính chất.

B. Ảnh hưởng của khối không khí lạnh (NPC) và khối không khí Xích đạo (Em).

C. Ảnh hưởng của khối không khí từ vùng vịnh Bengan (TBg) và Tín phong nửa cầu Bắc (Tm).

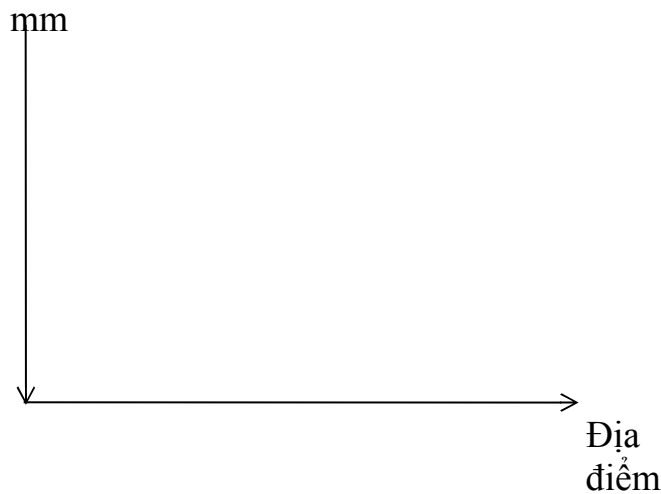
D. Ảnh hưởng của Tín phong nửa cầu Bắc (Tm) và khối không khí Xích đạo (Em).

Câu 34. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ rừng đang được triển khai ở nước ta hiện nay là

A. Cấm không được khai thác và xuất khẩu gỗ.

- B. Nhập khẩu gỗ từ các nước để chế biến.
- C. Giao đất giao rừng cho nông dân.
- D. Trồng mới 5 triệu ha rừng cho đến năm 2010.

Cho biểu đồ thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi tại một số địa điểm ở nước ta



(dùng trả lời cho câu 35, 36, 37)

Câu 35. Từ biểu đồ ta có nhận xét đúng về lượng mưa, cân bằng ẩm của một số địa điểm trên là:

- A. Huế có lượng mưa và lượng bốc hơi cao nhất.
- B. Hà Nội có lượng mưa và lượng bốc hơi thấp nhất.
- C. TP. Hồ Chí Minh có lượng mưa và lượng bốc hơi cao nhất.
- D. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm nhỏ nhất.

Câu 36. Từ biểu đồ, ta tính được cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh lần lượt là:

- A. 1868mm, 678mm, 245mm
- B. 678mm, 245mm, 1868mm
- C. 245mm, 1868mm, 678mm
- D. 678mm, 1868mm, 245mm

Câu 37. So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân chính là :

- A. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.
- B. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.
- C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.
- D. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa hạ.

Câu 38. " Hải Vân đèo lớn vừa qua

Mưa xuân ai bỗng đổi ra nắng hè"

Hiện tượng " mưa xuân" và "nắng hè" ở hai câu thơ trên là do:

- A. Nửa sau mùa đông ở miền Bắc gió mùa mùa đông thời tiết lạnh ẩm, còn ở miền Nam là ảnh hưởng của gió Mậu dịch tạo nên mùa khô sâu sắc.
- B. Nửa sau mùa đông ở miền Bắc gió mùa mùa đông thời tiết lạnh khô, còn ở miền Nam là ảnh hưởng của gió Mậu dịch tạo nên mùa khô sâu sắc.
- C. Nửa sau mùa đông ở miền Bắc gió mùa mùa đông thời tiết lạnh ẩm, còn ở miền Nam là ảnh hưởng của gió mùa tây nam.
- D. Nửa sau mùa đông ở miền Bắc gió mùa mùa đông thời tiết lạnh khô, còn ở miền

Nam là ảnh hưởng của gió mùa tây nam.

Câu 39. Sông ngòi ở Tây Nguyên và Nam Bộ lượng dòng chảy kiệt rất nhỏ vì

- A. Phần lớn sông ở đây đều ngắn, độ dốc lớn.
- B. Phần lớn sông ngòi ở đây đều nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.
- C. Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.
- D. Sông chảy trên đồng bằng thấp, phẳng lại đổ ra biển bằng nhiều chi lưu.

Câu 40. So sánh giữa các địa điểm có cùng độ cao, mùa đông của vùng Tây Bắc nước ta có điểm khác biệt với vùng Đông Bắc là

- A. đến muộn và kết thúc muộn hơn
- B. đến sớm và kết thúc muộn hơn
- C. đến muộn và kết thúc sớm hơn
- D. đến sớm và kết thúc sớm hơn

VI. Đáp án.

1B	2D	3A	4B	5D	6B	7D	8A	9A	10A
11C	12D	13D	14C	15D	16A	17D	18B	19C	20C
21D	22B	23D	24C	25A	26C	27C	28C	29C	30B
31C	32C	33A	34C	35B	36D	37B	38A	39C	40C

ĐÁP ÁN CHO PHẦN ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN CHƯƠNG TRÌNH HỌC KỲ 1.

BÀI 1: VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

1D,2C,3C,4D,5C,6A,7C,8D,9B,10D,11C,12D,13B,14B,15C,16A,17B,18C,19B,20B,21D.

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1C,2D,3C,4A,5B,6A,7A,8C,9A,10B,11B,12A,13B,14C,15D,16A,17A,18A,19D,20B,21D,22A,23B,24B,25B,26B,27B,28A,30B,31B,32A,33A,34B,35D,36C,37B,38A,39C,40A,41C,42C,43B,44A,45B,46A,47C,48C,49A, 50A

BÀI 6, 7. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

1A,2C,3C,4C,5A,6A,7C,8B,9B,10B,11C,12C,14D,15B,16C,17C,18C,19B,20A,21B,22B,23D,24C,25A,26B,27C,28C,29B,30C,31A,32C,33B,34D,35C,36A,37D,38D,40C,41A,42A,43C,44D,45D,46A,47A,48A,49C,50A,51C,52B,53A,54D,55C

BÀI 8: THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

1A,2D,3C,4D,5C,6A,7B,8D,9A,10C,11C,12B,13D,14D,15C,16D,17C,18D,19B,20B

BÀI 9,10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA

1C,2B,3D,4B,5C,6C,7D,8C,9A,10A,11A,12D,13A,14B,15B,16C,17A,18A,19B,20B,21B,22A,23B,24B,25B,26C,27B,29C,29D,30C,31A,32C,33C,34A,35B,36C,36bD,37C,38C,39A,40A,41A,42C,43B,44C,45D,46C,47A,48B,49C,50D,51A,52C,53D,54D,55C,56B,57C,58B,59D,60D,61A,62D,63B,65A,66B,67B,68A,69A

BÀI 11,12: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG.

1A,2B,3B,4B,5D,6B,7B,8D,9C,10C,11D,12D,13B,14D,15A,16B,17C,18A,19C,20C,21A,22B,23C,24B,25B,26B,27A,28D,29C,30B,31D,32D,33C,34C,35D,36A,37D,38D,39B,40D,41A,42B,43D,44A,45A,46A.

BÀI 14: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1D,2B,3B,4D,5C,6B,7C,8B,9A,10C,11C,12D,13D,14B,15C,16A,17C,18D,19D, 20C,21B,22A, 23A

BÀI 15: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1C,2D,3B,4B,5C,6D,7D,8D,9A,10D,11D,12A,13A,14C,15D,16B,17B,18A,19C, 20D,21C,22A,23B,24D,25D,26C,27B,28C,29D,30D, 31B

DỪNG ÁT LÁT ĐỊA LÍ :

1C,2B,3B,4A,5B,6D,7A, 8D, 9C, 10C,11C,12C,13C, 14C.

THỰC HÀNH : BẢNG SỐ LIỆU.

1B,2C, 3C,4B, 5C, 6A,7B, 8A.

BIỂU ĐỒ :

1A. 2D; 3A; 4B.